



Phụ lục số 04

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở HUYỆN PHÚ BÌNH GIAI ĐOẠN NĂM 2015 - 2019
(Kèm theo Quyết định số 2018/QĐ-UBND ngày 14 tháng 02 năm 2018 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

1. Giá đất ở tại đô thị, giá đất ở tại nông thôn bám các trục đường giao thông:

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	MỨC GIÁ
I	TRỤC ĐƯỜNG QUỐC LỘ 37	
1	Từ giáp đất Hiệp Hoà đến cách ngã tư cầu Ca 200m	2.500
2	Cách ngã tư cầu Ca 200m đến qua ngã tư cầu Ca 500m	3.500
3	Từ cách ngã tư cầu Ca 500m đến cầu Chợ Đồn	2.000
4	Từ cầu Chợ Đồn đến hết đất xã Kha Sơn	3.500
5	Từ giáp đất xã Kha Sơn đến cách cổng Công an huyện 200m	4.000
6	Từ cách cổng Công an huyện 200m đến cổng Công an huyện	5.500
7	Từ cổng Công an huyện đến giáp đất Ngân hàng Chính sách xã hội	8.000
8	Từ đất Ngân hàng Chính sách (đường vào Nhà văn hóa tổ 2) đến cầu Bằng chợ Úc Sơn (+) 300m đi Thái Nguyên	12.000
9	Từ cách cầu Bằng Úc Sơn 300m đến qua cổng Bệnh viện Đa khoa Phú Bình 100m đi Thái Nguyên	7.000
10	Từ cách cổng Bệnh viện Đa khoa Phú Bình 100m đến hết đất thị trấn Hương Sơn	5.000
11	Từ giáp đất thị trấn Hương Sơn đến Cổng 5 cửa	5.000
12	Từ Cổng 5 cửa đến cầu Mây (hết địa phận xã Xuân Phương)	6.000
13	Từ đầu cầu Mây (+) 200m đi Thái Nguyên	2.500
14	Từ cách đầu cầu Mây 200m đến ngã ba đường rẽ vào xóm Chiễn 1	2.000
15	Từ ngã ba đường rẽ xóm Chiễn 1 đến ngã ba đường rẽ vào xóm Soi 1	2.200
16	Từ ngã ba đường rẽ xóm Soi 1 đến kênh qua đường rẽ vào xóm Đô	3.000
17	Từ giáp kênh qua đường rẽ vào xóm Đô đến ngã ba đường rẽ vào nghĩa trang Vườn Giếng	2.200
18	Từ ngã ba đường rẽ vào nghĩa trang Vườn Giếng đến hết đất xã Nhã Lộng	1.800
19	Từ giáp đất xã Nhã Lộng đến đường rẽ xóm Thuận Pháp, xã Diềm Thụy	2.800
20	Từ đường rẽ xóm Thuận Pháp đến đường rẽ vào Trường Tiểu học xã Diềm Thụy	4.000

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	MỨC GIÁ
21	Từ đường rẽ vào Trường Tiểu học Diêm Thụy đến giáp đất xã Thượng Đình	3.000
22	Từ giáp đất xã Diêm Thụy đến đường rẽ vào Trường Tiểu học xã Thượng Đình	2.500
23	Từ đường rẽ vào Trường Tiểu học xã Thượng Đình đến hết đất Phú Bình (giáp đất thành phố Sông Công)	2.800
II	THỊ TRẤN HƯƠNG SƠN	
1	Từ Quốc lộ 37 (Công ty Xổ số Thái Nguyên) đến ngã ba cầu Vườn Nhanh	3.500
2	Từ Quốc lộ 37 (đường vào Huyện ủy) đến ngã ba cầu Vườn Nhanh	3.500
3	Từ Quốc lộ 37 (Buru điện) đến hết đất Phòng Giáo dục	3.500
4	Từ Quốc lộ 37 (Viện Kiểm sát cũ) đến gặp đường từ Trạm thuế cũ đi ngã ba cầu Vườn Nhanh	3.500
5	Từ Quốc lộ 37 (Hiệu thuốc Phú Bình) đi tổ dân phố Hoà Bình	
5.1	Từ Quốc lộ 37 đi đường mới Khu dân cư số 1 đến bờ sông Đào	5.000
5.2	Từ Quốc lộ 37 (+) 100m đi công làng tổ dân phố Hoà Bình	3.000
5.3	Từ cách Quốc lộ 37 (100m) đến ngã 3 tổ dân phố Hoà Bình (nhà ông Liệu)	2.000
6	Từ Quốc lộ 37 đi Trường THCS thị trấn Hương Sơn (đường đi tổ dân phố La Sơn) đến cầu Vườn Nhanh	
6.1	Từ Quốc lộ 37 (+) 80m đến ngã tư vào đình chùa La Sơn	2.000
6.2	Từ cách Quốc lộ 37 (80m) đến ngã tư vào đình La Sơn	1.500
6.3	Từ cầu Vườn Nhanh (sau UBND huyện) đến ngã tư công đình chùa La Sơn	2.000
7	Từ Quốc lộ 37 đi tổ dân phố Thơm	
7.1	Từ Quốc lộ 37 đến giáp đất Sân vận động	2.000
7.2	Từ Sân vận động đến ngã ba đi tổ dân phố Thơm	800
8	Từ Quốc lộ 37 đi vào Ban Chỉ huy quân sự huyện	
8.1	Từ Quốc lộ 37 (+) 30m đi vào Ban Chỉ huy quân sự huyện	4.000
8.2	Từ cách Quốc lộ 37 (30m) đến công Ban Chỉ huy quân sự	3.500
9	Từ cầu Bằng đi xuôi sông Đào đi cầu Thùng - Lương Phú (qua công UBND thị trấn Hương Sơn)	
9.1	Từ cầu Bằng đi xuôi sông Đào đến cầu Vòng cũ	5.500
9.2	Từ cầu Vòng cũ đến công UBND thị trấn Hương Sơn	4.000
9.3	Từ công UBND thị trấn Hương Sơn đến hết đất thị trấn	2.000
10	Từ cầu Vòng cũ đi tổ dân phố Hoà Bình	
10.1	Từ cầu Vòng cũ đến gặp đường nội thị khu dân cư số 1, thị trấn Hương Sơn	2.000
10.2	Từ đường khu dân cư số 1 đến ngã 3 tổ dân phố Hòa Bình	2.000

Bảng giá đất giai đoạn 2015 - 2019 huyện Phú Bình

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	MỨC GIÁ
11	Từ đầu cầu Bằng Úc Sơn (bờ phía chợ), đi ngược dòng chảy	
11.1	Từ đầu cầu Bằng Úc Sơn (+) 300m	3.500
11.2	Từ cách cầu Bằng Úc Sơn 300m đến 500m	2.500
11.3	Từ cách cầu Bằng Úc Sơn 500m đến cách đầu cầu Đoàn Kết 100m	1.000
11.4	Từ cầu Đoàn Kết đi xuôi, ngược dòng 100m	2.300
11.5	Từ cách đầu cầu Đoàn Kết 100m đi ngược dòng chảy đến hết đất thị trấn Hương Sơn	800
12	Từ cầu Bằng Úc Sơn (bờ phía chợ) đi xuôi dòng chảy 400m	2.500
13	Từ cầu Bằng Úc Sơn đi xã Tân Thành (đường tỉnh 269B)	
13.1	Từ cầu Bằng Úc Sơn (+) 100m	7.000
13.2	Từ cách cầu Bằng Úc Sơn 100m đến 400m	5.000
13.3	Từ cách cầu Bằng Úc Sơn 400m đến 600m	4.000
13.4	Từ cách cầu Bằng Úc Sơn 600m đến 1000m	3.000
13.5	Từ cách cầu Bằng Úc Sơn 1000m đến hết đất thị trấn (giáp đất Tân Hòa)	1.500
14	Từ ngã ba đình chùa La Sơn đi xã Xuân Phương đến hết đất thị trấn Hương Sơn	800
15	Vị trí đất phía sau giáp đất chợ Úc Sơn từ phía Đông đến phía Bắc chợ (phía Đông giáp bờ sông, phía Bắc cách đường đi xã Tân Thành 20m)	1.500
16	Đường vào Khu xử lý rác thải thị trấn Hương Sơn	
16.1	Từ đường Úc Sơn - Tân Thành (+) 200m	1.500
16.2	Từ cách 200m đến ngã ba đình Úc Sơn	800
17	Từ Quốc lộ 37 đến cổng Trường Mầm non Cụm trung tâm thị trấn Hương Sơn	1.500
18	Từ Quốc lộ 37 đi qua đình Làng Cả đến cổng Dọc	
18.1	Từ Quốc lộ 37 đến kênh N2	1.000
18.2	Từ kênh N2 đến ngã tư cổng Quán	800
18.3	Từ ngã tư cổng Quán đến cổng Dọc	600
19	Từ Quốc lộ 37 (cầu Gô) đi ngã ba Bãi Đình	
19.1	Từ Quốc lộ 37 (cầu Gô) đi ngã tư cổng Quán	1.000
19.2	Từ ngã tư cổng Quán đến ngã ba Bãi Đình	600
20	Từ Quốc lộ 37 đi đến ao Ngàn (tổ 2)	800
21	Từ Quốc lộ 37 đi đến cổng Trung tâm Hướng nghiệp dạy nghề huyện Phú Bình	1.200
22	Từ Quốc lộ 37 đi vào trong Khu tái định cư Nhà máy may TNG Phú Bình	3.500
23	Từ cầu Đoàn Kết (+) 100m vào tổ dân phố Đoàn Kết	1.900
24	Từ cách cầu Đoàn Kết 100m vào Nhà văn hoá tổ dân phố Đoàn Kết	900

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	MỨC GIÁ
III	XÃ KHA SƠN	
1	Ngã tư cầu Ca đi xã Hà Châu	
1.1	Ngã tư cầu Ca (+) 150m	2.500
1.2	Từ cách ngã tư cầu Ca 150m đến hết đất xã Kha Sơn	1.500
2	Từ ngã tư cầu Ca đi xã Thanh Ninh	
2.1	Từ ngã tư cầu Ca (+) 100m	2.500
2.2	Từ cách ngã tư cầu Ca 100m đến ngã ba xóm Hoà Bình	2.000
2.3	Từ ngã ba xóm Hoà Bình đi xã Thanh Ninh đến hết đất xã Kha Sơn	1.500
3	Từ Quốc lộ 37 ngã tư Chợ Đồn đi xã Lương Phú	
3.1	Từ Quốc lộ 37 ngã tư Chợ Đồn (+) 200m	1.500
3.2	Cách Quốc lộ 37 (200m) đi xã Lương Phú đến hết đất xã Kha Sơn	900
4	Từ Quốc lộ 37 ngã tư Chợ Đồn (+) 200m đi vào Chợ Đồn	2.000
5	Đường trong Khu tái định cư Nhà máy may TNG Phú Bình (khu dân cư trong điểm công nghiệp Kha Sơn)	3.500
6	Đường trong khu dân cư gắn liền với khu tái định cư Nhà máy may TNG Phú Bình	3.000
IV	XÃ DƯƠNG THÀNH	
1	Từ cầu Đất (+) 200m đi Bưu điện văn hóa xã Dương Thành	1.200
2	Từ Bưu điện văn hoá xã (+) 300m đi xã Thanh Ninh	1.500
3	Từ Bưu điện văn hóa xã đến kênh 4, đường cầu Ca - Lữ Vân (đường tỉnh 261C)	1.000
4	Từ giáp địa giới xã Phúc Sơn, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang (+) 300m đi xã Thanh Ninh (đường tỉnh 261C)	1.000
5	Các đoạn còn lại của đường cầu Ca - Lữ Vân (đường tỉnh 261C)	800
6	Từ ngã ba đường đi vào UBND xã Dương Thành đến cống Phẩm	
6.1	Từ ngã ba đường đi vào UBND xã (+) 100m đến kênh 4	550
6.2	Đoạn còn lại đến cống Phẩm	450
7	Đường WB3 thuộc địa phận xã Dương Thành	
7.1	Từ giáp địa giới xã Thanh Ninh (+) 700m đi máng Cộc	500
7.2	Cách địa giới xã Thanh Ninh 700m đến cống Sầm	500
7.3	Từ ngã ba xóm An Ninh (+) 100m đi máng Cộc	500
7.4	Từ ngã ba xóm An Ninh (+) 100m đi cống Sầm	500
7.5	Các đoạn còn lại của đường WB3	450
V	XÃ LƯƠNG PHÚ	
1	Từ đầu cầu Thanh Lang đi 2 phía:	
1.1	Từ cầu Thanh Lang (+) 100m đi xã Tân Đức	1.500
1.2	Từ cầu Thanh Lang (+) 100m đi cầu Thùng	1.500
1.3	Từ cách cầu Thanh Lang 100m qua cầu Thùng đi thị trấn Hương Sơn đến hết đất xã Lương Phú	1.000

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	MỨC GIÁ
1.4	Từ cách cầu Thanh Lang 100m đi xã Tân Đức đến hết đất Lương Phú	1.000
2	Từ cầu Lang Tạ đi xã Kha Sơn:	
2.1	Từ cầu Lang Tạ (+) 200m đi xã Kha Sơn	2.000
2.2	Từ cách cầu Lang Tạ 200m đi xã Kha Sơn đến hết địa phận xã Lương Phú	1.500
3	Từ cầu Lang Tạ đi xã Tân Đức (Qua ngã ba đường vào xóm Phú Hương)	
3.1	Từ cầu Lang Tạ đến ngã ba đường vào xóm Phú Hương	2.000
3.2	Từ ngã ba (đường đi Phú Hương) đi xã Tân Đức đến hết địa phận xã Lương Phú	1.000
4	Từ cầu Lang Tạ đi ngược sông Đào lên cầu Thùng	
4.1	Từ cầu Lang Tạ + 150m	1.000
4.2	Từ cách cầu Lang Tạ 150m đến Cầu Thùng	600
5	Từ cầu Lang Tạ đi xóm Việt Ninh (theo bờ đê)	
5.1	Từ cầu Lang Tạ (+) 200m	1.000
5.2	Từ cách cầu Lang Tạ 200m đến hết đất Lương Phú	600
6	Từ ngã tư Trạm Y tế xã Lương Phú đi xóm Mảng đến bờ sông Đào	
6.1	Từ ngã tư Trạm y tế xã Lương Phú (+) 100m đi xóm Mảng	1.000
6.2	Từ cách ngã tư Trạm Y tế 100m đến ngã tư xóm Lân (hết thửa đất số 912 tờ bản đồ địa chính số 06 xã Lương Phú)	700
6.3	Đoạn còn lại	800
VI	XÃ ÚC KỶ	
1	Từ ngã ba Quán Nam đi xuôi xã Nga My 200m và đi ngược xã Diêm Thụy 200m (đường tỉnh lộ 266)	800
2	Từ cách ngã ba Quán Nam 200m đi xuôi xã Nga My và đi ngược xã Diêm Thụy (đường tỉnh lộ 266) đến hết đất xã Úc Kỳ	700
VII	XÃ NGA MY	
1	Từ công chợ Quán Chè đi xuôi, đi ngược đê đến hết địa phận xã Nga My (đường tỉnh lộ 266)	
1.1	Từ công chợ Quán Chè đi xuôi, đi ngược đê 200m	1.000
1.2	Từ cách công chợ Quán Chè 200m đi xuôi, đi ngược đê hết địa phận xã Nga My	800
2	Từ ngã ba đường tỉnh lộ 266 đến Kho Quán, xã Nga My	600
3	Từ ngã ba chợ Quán Chè đến hết đất trụ sở mới của UBND xã Nga My	650
VIII	XÃ HÀ CHÂU	
1	Đê Hà Châu	

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	MỨC GIÁ
1.1	Từ giáp đất xã Nga My đến hết đất ông Mai (thửa đất số 35 tờ 10, bản đồ địa chính số 10 xã Hà Châu)	800
1.2	Từ đất ông Bé (thửa đất số 76, tờ bản đồ địa chính số 10, xã Hà Châu - ngã ba vào xóm Ngói) đến Kè số 1 xã Hà Châu	1.500
1.3	Từ Kè số 1 đến Hạt quản lý đê	1.200
1.4	Từ Hạt quản lý đê hết đất Hà Châu (giáp đất Phổ Yên)	1.000
2	Từ dốc vào UBND xã đến ngã tư xóm Hương Chúc rẽ phải, rẽ trái 50m	800
3	Từ dốc đê Hà Trạch đến đình Hà Trạch	600
IX	XÃ TÂN HÒA	
1	Từ ngã tư Trung tâm xã đi Thanh Lương, đi xóm Ngò, đi xóm Trụ Sở và đi xóm Hân	
1.1	Từ ngã tư Trung tâm xã đến cổng Trường Tiểu học xã Tân Hòa	1.500
1.2	Từ ngã tư Trung tâm xã đi xóm Ngò đến cầu xóm Ngò	700
1.3	Từ ngã tư Trung tâm xã (+) 100m đi xóm Trụ Sở	700
1.4	Từ ngã tư Trung tâm xã đi xóm Hân đến trạm điện xóm Hân	700
2	Từ cầu Thanh Lang (+) 500m đi UBND xã	1.000
3	Đường tỉnh lộ 269b từ giáp đất thị trấn Hương Sơn đi xã Tân Thành	
3.1	Từ giáp đất thị trấn Hương Sơn đi xã Tân Thành + 200m	1.500
3.2	Từ ngã ba xóm U + 300m đi thị trấn Hương Sơn, đi xã Tân Thành	1.500
3.3	Các đoạn còn lại:	1.000
4	Từ ngã tư xóm Trụ Sở (+) 200m đi xã Tân Thành	700
5	Từ ngã tư xóm Trụ Sở đi UBND xã đến hết đất nhà ông Khánh	1.000
6	Từ trạm điện xóm Hân đi xã Tân Đức đến Cầu Bọm	500
7	Từ ngã ba ông Thân đi xóm Hân đến ngã ba đi xã Tân Đức	500
8	Từ ngã ba ông Thân đi xã Tân Hòa đến công trường THCS xã Tân Hòa	500
9	Từ ngã tư xóm Trụ sở đi xóm Vo xã Tân Thành	500
X	XÃ TÂN THÀNH	
1	Từ cầu ông Tanh qua cổng UBND xã đến cầu Suối Giữa (đường tỉnh lộ 269b)	1.000
2	Từ cầu ông Tanh đi huyện Phú Bình qua ngã tư La Lê 100m (đường tỉnh lộ 269b)	800
3	Từ cầu Suối Giữa (+) 400m đi xã Hợp Tiến huyện Đồng Hỷ (đường tỉnh lộ 269b)	800
4	Từ ngã ba Trung tâm xã (+) 300m đi xóm Đồng Bón	500
5	Từ ngã tư La Lê (+) 100m đi xóm Vo	400
6	Từ ngã tư La Lê đến bờ đập Kim Đinh	400
7	Từ Trạm điện cầu Muối (+300m) đi vào xã Hợp Tiến	400

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	MỨC GIÁ
8	Từ ngã ba Na Bì (+) 300m đi vào đình Na Bì	400
9	Từ Trạm điện cầu Mới đến Trạm điện đồng Bầu 2 (200m)	400
XI	XÃ TÂN KIM	
1	Từ công UBND xã (+) 300m đi xã Tân Khánh	800
2	Từ cách công UBND xã 300m đi xã Tân Khánh đến hết địa phận xã Tân Kim	600
3	Từ công UBND xã đến đường rẽ Bệnh viện Phong	850
4	Từ đường rẽ Bệnh viện Phong đi cầu Mây đến hết đất xã Tân Kim	650
5	Từ ngã 3 xóm Mỏn Hạ (+) 150m đi Kim Đĩnh	500
6	Từ cách ngã 3 Mỏn Hạ 150m đến ngã tư Kim Đĩnh	400
7	Từ ngã tư Kim Đĩnh đi xóm Thờng Bong (200m), đi Trại giồng (200m), đi Núi Chùa (200m)	400
8	Từ công UBND xã đến công Trường Tiểu học	700
9	Từ công Trường Tiểu học đến dốc gènh làng Châu	500
10	Từ dốc gènh làng Châu đi Đèo Khê hết đất xã Tân Kim	450
XII	XÃ TÂN KHÁNH	
1	Từ ngã ba Trung Tâm đi xã Bảo Lý đến đường rẽ vào xóm Kim Bảng	1.500
2	Từ đường rẽ xóm Kim Bảng đến cầu Đồng Tiến	1.000
3	Từ ngã ba xóm Đồng Tiến đi xã Tân Kim, đi xã Bảo Lý (hết địa phận xã Tân Khánh), đi đến cầu Đồng Tiến	450
4	Từ ngã ba Trung Tâm đi đến Trường THCS Tân Khánh	1.500
5	Từ công Trường THCS Tân Khánh đến ngã ba đường rẽ xóm Kim Bảng	600
6	Từ ngã ba đường rẽ xóm Kim Bảng đến cầu Trà Tước	450
7	Từ ngã ba trung tâm đi ngã ba đường rẽ xóm La Tú	
7.1	Từ ngã ba Trung Tâm đi xóm La Tú đến đường rẽ vào công chợ	1.500
7.2	Từ đường rẽ vào công chợ đến ngã ba đường rẽ xóm La Tú (đường từ ngã ba Trung tâm xã đi La Tú)	1.000
8	Từ ngã ba đường rẽ trạm y tế xã (+) 80m đi Trạm Y tế	1.000
9	Từ Ngã ba La Tú đi Trại Cau đến công nhà bà Phong (hết thửa đất số 447, tờ bản đồ địa chính số 21 xã Tân Khánh)	600
XIII	XÃ TÂN ĐỨC	
1	Từ đầu cầu Bằng đi ngược, xuôi 100m hai bờ sông Đào	1.200
2	Từ công chính của chợ (+) 200m đi xóm Diễn	1.500
3	Từ công chính của chợ đi xóm Ngoài	
3.1	Từ công chính của chợ (+) 200m	1.200
3.2	Cách công chính chợ 200m đến 300m	800
4	Từ công chính chợ đến đầu cầu Bằng	1.500
5	Từ ngã ba xóm Ngoài đi Nhà văn hóa xóm Ngọc Lý:	

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	MỨC GIÁ
5.1	Từ ngã ba xóm Ngoài (+) 200m	600
5.2	Từ qua 200m đến Nhà Văn hoá xóm Ngọc Lý	500
6	Từ cách đầu cầu Bằng 100m đi Lữ Vân, đi xã Lương Phú đến hết đất xã Tân Đức	500
7	Từ ngã ba Nhà văn hóa xóm Quần đi xã Tân Hòa; đi xóm Viên; đi xã Tiến Thắng, Yên Thế, Bắc Giang	
7.1	Từ ngã ba Nhà văn hóa xóm Quần (+) 200m đi các phía trên	400
7.2	Từ cách ngã ba Nhà văn hóa xóm Quần 200m đi xã Tân Hòa, đi xóm Viên, đi xã Tiến Thắng (huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang)	350
8	Từ ngã ba xóm Ngọc Lý đi đến Nhà văn hóa xóm Tân Ngọc	350
9	Từ đầu cầu Vòng đi xóm Lệnh, đi xóm Quại đến giáp đất xã Thanh Ninh	400
XIV	XÃ XUÂN PHƯƠNG	
1	Từ cổng Trường THCS xã Xuân Phương đến cổng Na Oan	1.800
2	Từ cổng Trường THCS xã Xuân Phương đi cầu Cổng	1.200
3	Từ ngã ba UBND xã đến chợ Đình	1.000
4	Từ cổng Na Oan đến gặp Quốc lộ 37	
4.1	Từ cổng Na Oan đến cổng Ao Phán đường rẽ vào xóm Tân Sơn 8	1.500
4.2	Từ cổng Ao Phán đường rẽ vào xóm Tân Sơn 8 đến Quốc Lộ 37	2.000
5	Từ cầu Bằng gốc đa đi xã Tân Kim hết địa phận xã Xuân Phương	
5.1	Từ cầu Bằng gốc đa đến cầu Núi Cao	1.200
5.2	Từ cầu Núi Cao đi hết địa phận xã Xuân Phương	1.000
6	Từ ngã ba đường Quốc lộ 37 (Nhà Lan - Mạnh) đi Bảo Lý đến hết đất Xuân Phương	3.500
7	Từ Cầu Cổng đi dốc Mái Trai đến hết đất Xuân Phương	600
8	Từ ngã ba Lò Mằm đi thị trấn Hương Sơn đến hết đất Xuân Phương	600
XV	XÃ NHẢ LỘNG	
1	Đất phía sau giáp đất chợ Cầu	1.000
2	Từ Quốc lộ 37 (đi qua cổng Nhà Thờ) đến ngã ba xóm Náng, xóm Xúm	600
XVI	XÃ ĐIỀM THỤY	
1	Từ ngã tư Diềm Thụy đi Quốc lộ 3 đến giáp đất Phổ Yên (đường tỉnh lộ 266)	
1.1	Từ ngã tư Diềm Thụy đến Cầu Kênh	3.000
1.2	Từ đầu cầu Kênh đắp giáp đất Phổ Yên	3.500
2	Từ ngã tư Diềm Thụy đến gặp đường tỉnh lộ 261 đi thị xã Phổ Yên (ngã 3 Núi Căng)	2.000

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	MỨC GIÁ
3	Đường tỉnh lộ 266: Từ ngã ba Núi Căng đi xuôi đến hết đất xã Diêm Thụy	1.000
4	Từ Quốc lộ 37 đi qua Trường Tiểu học xã Diêm Thụy đến gặp đường tỉnh lộ 266	
4.1	Từ Quốc lộ 37 đến cổng Trường Tiểu học xã Diêm Thụy	1.500
4.2	Đoạn còn lại	1.000
5	Đường tỉnh lộ 261: Từ ngã ba Núi Căng đi Phở Yên đến hết đất Diêm Thụy	1.000
XVII	XÃ THƯỢNG ĐÌNH	
1	Từ Quốc lộ 37 (+) 100m đi vào UBND xã	700
2	Từ cổng Trường Tiểu học xã Thượng Đình (+) 150m đi hai phía	700
3	Từ cổng Trường Quân sự Quân Khu I đi Quốc lộ 3	
3.1	Từ cổng số 2, Trường Quân sự Quân Khu I + 300m	600
3.2	Từ sau 300m đến hết đất xã Thượng Đình	500
XVIII	XÃ BẢO LÝ	
1	Từ cổng Chi nhánh Vật tư Nông nghiệp (+) 200m đi UBND xã Bảo Lý	1.800
2	Từ cầu Vạn Già (+) 200m đi ngược UBND xã Bảo Lý; từ cầu Vạn Già (+) 200m đi xuôi cầu Mây	1.000
3	Từ cầu Bằng Bảo Lý đi xuôi 200m; đi ngược xã Đào Xá 300m	1.500
4	Từ cầu Bằng Bảo Lý đến ngã ba xóm Thượng:	
4.1	Từ cầu Bằng Bảo Lý đến cổng Trường Mầm non	1.500
4.2	Từ cổng Trường Mầm non đến ngã ba xóm Thượng	800
5	Từ ngã ba phố Quyên đi ngược xã Tân Khánh 100m, đi xuôi UBND xã Bảo Lý 100m	600
6	Từ cầu Cổ Dạ đi xuôi UBND xã 200m, đi ngược xã Đào Xá 200m	700
XIX	XÃ ĐÀO XÁ	
1	Đường bờ đê sông Đào (cầu Mây - Đồng Liên, địa phận xã Đào Xá):	
1.1	Từ ngã ba kè Lũ Yên đi xuôi, đi ngược 200m	1.000
1.2	Từ cách ngã ba kè Lũ Yên 200m đi xuôi xã Bảo Lý đến 800m	800
1.3	Từ cách ngã ba kè Lũ Yên 200m đi ngược dòng chảy đến 300m	600
1.4	Từ đầu cầu Vòng xóm Dẫy đi ngược, đi xuôi sông 200m	500
1.5	Các đoạn còn lại thuộc xã Đào Xá	450
1.6	Từ cách ngã ba kè Lũ Yên 1000m đi xuôi đến cầu Cứng, xóm Đoàn Kết	550
2	Từ đầu kè Lũ Yên đi xã Bàn Đạt đến ngã ba đường đi xã Tân Khánh	550

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	MỨC GIÁ
XX	XÃ THANH NINH	
1	Từ công UBND xã đi cầu Ca đến hết địa phận xã Thanh Ninh	2.000
2	Từ công UBND xã đi xã Dương Thành	
2.1	Từ công UBND xã đến ngã ba đường rẽ xóm Tiên Phong	2.000
2.2	Từ ngã ba đường rẽ xóm Tiên Phong đến công Trường cấp I, II xã Thanh Ninh	1.800
2.3	Từ công Trường cấp I, II xã Thanh Ninh đến giáp đất Dương Thành	1.600
3	Từ ngã ba đường rẽ xóm Tiên Phong đi xã Lương Phú (đường liên xã Thanh Ninh - Lương Phú)	
3.1	Từ ngã ba đường rẽ xóm Tiên Phong (+) 100m	1.500
3.2	Từ cách ngã ba đường rẽ xóm Tiên Phong 100m đến 300m	1.200
3.3	Đoạn còn lại đi xã Lương Phú	500
4	Từ công UBND xã đến ngã ba đường rẽ xóm Hòa Bình (đường liên xã Thanh Ninh - Dương Thành)	
4.1	Từ công UBND xã (+) 100m	1.200
4.2	Từ cách công UBND xã 100m đến ngã ba đường rẽ xóm Hòa Bình	600
5	Từ ngã ba xóm Nam Hương (+) 200m đi xã Tân Đức	500
6	Từ ngã ba xóm Nam Hương (+) 200m đi cầu Đất	500
7	Từ trạm biến áp trung tâm đến công Trường mầm non xã Thanh Ninh	1.000
XXI	XÃ BÀN ĐẠT	
1	Từ công UBND xã Bàn Đạt đi xuôi xóm Bàn Đạt 200m	600
2	Từ cách công UBND xã 200m đến cầu Cuông, xóm Tân Minh	400
3	Từ công UBND xã đến ngã ba Ao Văn Nghệ, xóm Na Chặng	500
4	Từ cầu Trắng (+) 200m đi xóm Đồng Vỹ	400
5	Từ cách cầu Trắng 200m đến Ao Văn Nghệ, xóm Na Chặng, đi xóm Việt Long	350

2. Giá đất ở tại thị trấn Hương Sơn chưa được quy định chi tiết trong Bảng giá trên thì được áp dụng Bảng giá sau:

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

Tên đơn vị hành chính	Mức giá			
	Loại 1	Loại 2	Loại 3	Loại 4
Thị trấn: Hương Sơn	500	450	400	350

Tiêu chí phân loại đất cụ thể như sau:

a) Loại 1: Các ô thửa đất có vị trí thuận lợi nhất, có khả năng sinh lợi cao nhất trong khu vực, thoả mãn một trong những điều kiện sau:

- Bám đường giao thông là đường đất, đường cấp phối, có đường rộng $\geq 3,5m$.

- Bám đường giao thông là đường bê tông, đường nhựa, có đường rộng (bao gồm cả phần chưa đổ bê tông hoặc nhựa) $\geq 2,0m$.

- Cách chợ, trung tâm thị trấn, trường học, Khu công nghiệp TNG, Quốc lộ 37, không quá 200m, có đường vào $\geq 2m$.

Bảng giá đất giai đoạn 2015 - 2019 huyện Phú Bình

b) Loại 2: Các ô thửa đất có vị trí, khả năng sinh lợi kém loại 1, thoả mãn một trong những điều kiện sau:

- Bám đường giao thông là đường đất, đường cấp phối, có đường rộng nhỏ hơn 3,5m nhưng $\geq 2,5m$.

- Bám đường giao thông là đường bê tông, đường nhựa, có (mặt) đường rộng nhỏ hơn 2,5m, nhưng $\geq 2,0m$.

- Cách chợ, trung tâm thị trấn, trường học, Khu công nghiệp TNG, Quốc lộ 37, không quá 200m, có đường vào $< 2m$.

- Cách chợ, trung tâm thị trấn, Quốc lộ 37 qua 200m đến 500m, có đường vào $\geq 2m$.

- Cách đường liên xã, đường liên thôn qua 200m đến 500m, có đường vào $\geq 2m$.

c) Loại 3: Các ô thửa đất có vị trí, khả năng sinh lợi kém loại 2; thoả mãn một trong những điều kiện sau:

- Cách chợ, trung tâm thị trấn, Quốc lộ 37 qua 500m đến 1000m, có đường vào $\geq 2m$.

- Cách đường liên xã, đường liên thôn qua 500m đến 1000m, có đường vào $\geq 2m$.

d) Loại 4: Các ô thửa đất có vị trí, khả năng sinh lợi kém loại 3, không đủ các điều kiện trên.

3. Giá đất ở tại nông thôn ngoài những trục đường giao thông chưa được quy định trong Bảng giá trên thì áp dụng Bảng giá sau:

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

Tên đơn vị hành chính	Mức giá			
	Loại 1	Loại 2	Loại 3	Loại 4
Các xã: Bảo Lý, Đào Xá, Diêm Thụy, Dương Thành, Hà Châu, Kha Sơn, Lương Phú, Nga My, Nhã Lộng, Thanh Ninh, Thượng Đình, Úc Kỳ, Xuân Phương	450	400	350	300
Xã: Tân Đức	410	360	310	260
Xã: Tân Khánh	380	330	280	230
Các xã: Bàn Đạt, Tân Hoà, Tân kim, Tân Thành	350	300	250	200

Ghi chú: Phân loại đất ở nông thôn theo quy định tại Tiết 2.1 Điều 2 Mục I Phần B hướng dẫn áp dụng Bảng giá đất.

Phụ lục số 05
BẢNG GIÁ ĐẤT QUẬN ĐỒNG HỖ GIAI ĐOẠN NĂM 2015 - 2019
 (Kèm theo Quyết định số 02 /2018/QĐ-UBND ngày 14 tháng 02 năm 2018
 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

1. Giá đất ở tại đô thị, giá đất ở tại nông thôn bám các trục đường giao thông:

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	MỨC GIÁ
A	TRỤC QUỐC LỘ 1B	
1	Ngã ba xã Hoá Thượng về hai phía (đi cầu Cao Ngạn và đi phường Chùa Hang) 200m	3.000
2	Từ ngã ba xã Hóa Thượng đến công La Gianh	3.000
3	Từ công La Gianh đến Km7 + 150	2.000
4	Từ Km7 + 150m đến Km8	1.500
5	Từ Km 8 đến qua công UBND xã Hóa Trung 100m	800
6	Cách công UBND xã Hóa Trung 100m đến Km9 + 500m	600
7	Từ Km9 + 500m đến Km12	500
8	Từ Km12 đến Km12 + 300m	1.000
9	Từ Km12 + 300m đến Km13	1.500
10	Từ Km13 đến cầu Đồng Thu	2.000
11	Từ cầu Đồng Thu đến công Trung tâm Dạy nghề Trại Phú Sơn 4	1.500
12	Từ công Trung tâm Dạy nghề Trại Phú Sơn 4 đến hết đất xã Quang Sơn	800
B	TRỤC ĐƯỜNG QUỐC LỘ 1B CŨ	
1	Từ giáp đất thành phố Thái Nguyên (gần Trạm vật tư Nông nghiệp) đến đường rẽ vào Bộ Tư lệnh Quân khu I	4.500
2	Từ đường rẽ vào Bộ Tư lệnh Quân khu I đến đường rẽ vào Lữ đoàn 575	3.500
3	Từ đường rẽ vào Lữ đoàn 575 đến cách ngã ba xã Hoá Thượng 200m	3.000
C	TRỤC ĐƯỜNG QUỐC LỘ 17 (ĐƯỜNG 269 CŨ)	
1	Từ Cầu đỏ đến hết đất kiốt xăng Doanh nghiệp Đồng Tâm	3.500
2	Từ giáp đất kiốt xăng Doanh nghiệp Đồng Tâm đến cầu Linh Nham	2.500
3	Từ cầu Ngòi Chẹo đến cách chợ Nam Hoà 200m	900
4	Chợ Nam Hoà 200m về 2 phía	1.800
5	Từ cách chợ Nam Hoà 200m đến cầu Thác Lạc	900
6	Từ cầu Thác Lạc đến đường tàu quặng	1.200
7	Từ đường tàu quặng đến ngã ba Bách Hoá	2000
8	Từ ngã ba Bách Hoá đến cầu Đợi Chờ	1.500
9	Từ cầu Đợi Chờ đến đường rẽ đi UBND xã Tân Lợi	600
10	Từ đường rẽ đi UBND xã Tân Lợi đến cầu Đã	500

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	MỨC GIÁ
11	Từ cầu Đả đến cách cổng UBND xã Hợp Tiến 500m	500
12	Từ cổng UBND xã Hợp Tiến + 500m về hai phía	600
13	Từ cách cổng UBND xã Hợp Tiến 500m đi Bắc Giang (hết đất xã Hợp Tiến)	500
D	CÁC TRỤC ĐƯỜNG CÒN LẠI CỦA CÁC XÃ, THỊ TRẤN	
I	XÃ HOÁ THƯỢNG	
1	Các tuyến đường rẽ từ trục Quốc lộ 1B	
1.1	Các tuyến đường rẽ từ Quốc lộ 1B cũ vào 200m về phía hai bên đường (tính từ đường rẽ đối diện cổng Trường PTTH đến đường rẽ vào nhà văn hóa xóm Hưng Thái) có mặt đường bê tông hoặc nhựa rộng $\geq 2,5m$	1.000
1.2	Đường rẽ Quốc lộ 1B cũ ngõ rẽ cạnh huyện đội (địa phận xã Hóa Thượng)	800
1.3	Từ Quốc lộ 1B cũ đến Nhà văn hóa xóm Hưng Thái	1.000
-	Từ Nhà văn hóa xóm Hưng Thái đến ngã tư giáp đất chùa Hang	600
1.4	Từ Quốc lộ 1B cũ đến Trường Mầm Non Quân khu I	
-	Từ Quốc lộ 1B cũ đến Trạm 88 cũ	1.500
-	Từ Trạm 88 cũ đến Trường Mầm non Quân khu I	1.000
1.5	Quốc lộ 1B cũ đến ngã 3 (đường giáp nhà ông Hoàng Sinh)	1.200
1.6	Từ Quốc lộ 1B cũ đến Bệnh xá 43 (đường giáp Xí nghiệp may 20)	1.200
1.7	Từ Quốc lộ 1B cũ vào 200m (đoạn Km4 + 400m) đi vào Núi Kháo	800
1.8	Từ Quốc lộ 1B cũ vào 200m (đoạn Km4 + 500m) đi vào đồi Pháo cũ	800
1.9	Từ Quốc lộ 1B cũ vào 200m (đoạn Km4 + 600m) đi vào Núi Cái	800
1.10	Quốc lộ 1B cũ đến cổng chính Bộ Tư lệnh Quân khu I	2.000
1.11	Đường rẽ trục đường từ Quốc lộ 1B cũ đến cổng Quân khu I (đường vào cổng Quân khu I cũ)	1.200
1.12	Từ Quốc lộ 1B cũ vào 100m (đoạn Km4 + 900m) đi vào xóm Đồng Thái (đoạn giáp Trường THCS nối với đường vào Lữ đoàn 575)	800
1.13	Từ Quốc lộ 1B cũ đi Lữ đoàn 575 (hết địa phận xã Hoá Thượng)	1.000
1.14	Từ Quốc lộ 1B cũ đến cổng Trạm nước sạch	700
1.15	Từ Quốc lộ 1B cũ đến Lò vôi Nha Trang	1.000
1.16	Từ Quốc lộ 1B cũ đến đồi chùa và đến hết dốc nhà ông Thiêm	1.000
2	Các tuyến đường rẽ từ trục đường 269	
2.1	Trục từ đường Quốc lộ 17 (đường 269 cũ) đi xóm Áp Thái (đường vào nhà ông Luật) đến hết xóm Áp Thái	
-	Từ đường Quốc lộ 17 (đường 269 cũ) đi xóm Áp Thái vào 200m (đường vào nhà ông Luật)	1.200
-	Từ đường Quốc lộ 17 (đường 269 cũ) đi xóm Áp Thái vào 200m đến hết đất xóm Áp Thái	800

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	MỨC GIÁ
2.2	Từ đường Quốc lộ 17 (đường 269 cũ) vào 200m (đi nhà thờ họ đạo Ấp Thái)	900
2.3	Trục từ đường Quốc lộ 17 (đường 269 cũ) đi xóm Ấp Thái (lối rẽ cạnh kiôt xăng) đến hết đất xóm Ấp Thái	
-	Từ đường Quốc lộ 17 (đường 269 cũ) đi xóm Ấp Thái (lối rẽ cạnh kiôt xăng) vào 200m	900
-	Từ đường Quốc lộ 17 (đường 269 cũ) đi xóm Ấp Thái (lối rẽ cạnh kiôt xăng) vào 200m đến hết đất xóm Ấp Thái	700
2.4	Từ đường Quốc lộ 17 (đường 269 cũ) đến giáp đất đồi bệnh viện cũ	1.000
2.5	Trục từ đường Quốc lộ 17 (đường 269 cũ) đi xóm Tân Thái (hướng đi Nhị Hoà) đến hết đất xóm Tân Thái	
-	Từ đường Quốc lộ 17 (đường 269 cũ) đi xóm Tân Thái (hướng đi Nhị Hoà) vào 200m	800
-	Từ đường Quốc lộ 17 (đường 269 cũ) đi xóm Tân Thái (hướng đi Nhị Hoà) vào 200m đến hết đất Tân Thái	500
2.6	Từ đường Quốc lộ 17 (đường 269 cũ) đi khu dân cư xóm Tân Thái 200m (đối diện đường rẽ vào NVH xóm Tân Thái)	600
2.7	Từ đường Quốc lộ 17 (đường 269 cũ) đến công trại chăn nuôi Tân Thái	800
3	Tuyến đường rẽ từ trục Quốc lộ 1B mới đi Nhà văn hóa xóm Sơn Cầu	
3.1	Từ Quốc lộ 1B mới đến Nhà văn hóa xóm Sơn Cầu	1.000
3.2	Từ Nhà văn hóa xóm Sơn Cầu đến đường 359 (cũ)	400
4	Trục từ ngã ba Km7, Quốc lộ 1B đi Lữ đoàn 601 - Góc Vối	
4.1	Từ ngã ba Km7, Quốc lộ 1B đến ngã tư Gò Cao (rẽ đi Minh Lập)	1.000
4.2	Từ ngã tư Gò Cao đi Góc Vối (hết địa phận xã Hoá Thượng)	500
5	Các tuyến rẽ từ trục ngã ba Km7, Quốc lộ 1B đi Góc Vối	
5.1	Trục từ ngã ba Hòa Bình đi Cầu Môn	
-	Từ ngã ba (đường đi Hoà Bình) + 100m	900
-	Từ cách ngã ba (đường đi Hoà Bình) 100m đến đỉnh dốc Văn Hữu	600
-	Từ đỉnh dốc Văn Hữu đến cầu Môn	500
5.2	Trục từ ngã tư Gò Cao đi Minh Lập (hết địa phận xã Hoá Thượng)	400
6	Các tuyến đường trong khu quy hoạch QK I	
6.1	Khu Trạm phòng dịch E 651	1.000
6.2	Khu Xí nghiệp may 20 (khu trong tuyến giáp đường nhà ông Hoàng Sính)	800
6.3	Khu Công ty Việt Bắc cũ	600
6.4	Khu Cục Hậu Cần	600
6.5	Khu Cổng gác số 3	600

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	MỨC GIÁ
7	Đường tránh Chùa Hang (đường Quốc lộ 1B nối đường Quốc lộ 17 - Đường 269 cũ):	
7.1	Từ Quốc lộ 1B cũ rẽ vào 150m	2.500
7.2	Từ cách Quốc lộ 1B cũ 150m đến cách đường Quốc lộ 17 150m (đường 269 cũ)	1.800
7.3	Từ đường Quốc lộ 17 (đường 269 cũ) rẽ vào 150m	2.500
8	Đoạn từ ngã ba xóm Việt Cường đến ngã 3 Nhà văn hóa xóm Sông Cầu 4	500
II	XÃ HÓA TRUNG	
1	Đường rẽ từ Quốc lộ 1B đi trụ sở Chi nhánh chè Sông Cầu (địa phận xã Hóa Trung)	800
2	Đường rẽ từ Quốc lộ 1B (giáp đất Hóa Thượng) đến cổng Lữ đoàn 575	600
3	Các tuyến đường rẽ từ Quốc lộ 1B vào 200m	
3.1	Đoạn từ Km7 đến cổng UBND xã Hoá Trung	
-	Đường bê tông hoặc nhựa có mặt đường rộng $\geq 2,5$ m	300
-	Đường chưa bê tông hoặc nhựa có mặt đường rộng ≥ 3 m	250
3.2	Đoạn từ cổng UBND xã Hoá Trung đến Km12	
-	Đường bê tông hoặc nhựa có mặt đường rộng $\geq 2,5$ m	250
-	Đường chưa bê tông hoặc nhựa có mặt đường rộng ≥ 3 m	220
III	XÃ QUANG SƠN	
1	Từ Quốc lộ 1B đi xã Tân Long (đường 135) đến hết địa phận xã Quang Sơn	400
2	Từ Quốc lộ 1B qua UBND xã Quang Sơn đến Trường THPT Trần Quốc Tuấn	1.500
3	Từ Quốc lộ 1B vào xóm Đồng Thu I đến cổng Trường Tiểu học Quang Sơn	350
4	Từ Quốc lộ 1B vào xóm Viên Ván đi Mỏ đá La Hiên (hết địa phận xã Quang Sơn)	350
5	Trục đường nhựa từ đường 135 xóm Na Oai đi đến Trường Tiểu học xã Quang Sơn	400
6	Từ đường nhựa xóm Na Oai đi Tân Long (hết địa phận xã Quang Sơn)	350
7	Từ Trường THPT Trần Quốc Tuấn đến cổng Trường Tiểu học xã Quang Sơn	400
8	Từ đường nhựa xóm Xuân Quang I vào xóm Na Lay đi xã Tân Long (hết địa phận xã Quang Sơn)	250
9	Trục đường từ xóm Viên Ván vào xóm Đồng Chuồng đi xã La Hiên (hết địa phận xã Quang Sơn)	200

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	MỨC GIÁ
IV	THỊ TRẤN SÔNG CẦU	
1	Từ Quốc lộ 1B đến đường tròn thị trấn Sông Cầu	
1.1	Từ giáp đất xã Hóa Trung đến cách công trụ sở Chi nhánh chè Sông Cầu 100m	600
1.2	Từ cách công trụ sở Chi nhánh chè Sông Cầu 100m đến ngã tư đường tròn Thị trấn Sông Cầu	800
2	Từ ngã tư đường tròn thị trấn đến bình phong xóm Liên cơ đi xóm 9	600
3	Từ ngã tư đường tròn thị trấn đến chân đồi cây trám xóm Tân Tiến	500
4	Từ chân đồi cây trám xóm Tân Tiến đến hết đường nhựa xóm 5	300
5	Từ ngã tư đường tròn thị trấn + 100m đi Trung tâm Văn hoá thể thao thị trấn	400
6	Từ bình phong xóm Liên cơ đi xóm 4 đến Quốc lộ 1B	500
7	Từ bình phong xóm Liên cơ đến đỉnh dốc đồi cây giang	350
8	Từ bình phong xóm 4 đi xóm La Mao đến ngã ba xóm 9	300
9	Từ đồi cây giang đến cầu treo xóm 7	300
10	Từ ngã ba Trạm y tế đến Trạm bơm	350
11	Từ ngã ba Trạm y tế đến cổng Trường THCS	400
12	Các tuyến đường rẽ bê tông, nhựa từ đường chính vào 300m có mặt đường rộng $\geq 2,5m$	300
13	Các trục đường bê tông, nhựa còn lại mặt đường rộng $\geq 2,5m$	250
14	Các trục còn lại chưa bê tông hoặc nhựa thuộc thị trấn Sông Cầu có mặt đường rộng $\geq 3,0m$	200
V	XÃ NAM HOÀ	
1	Từ đường Quốc lộ 17 (đường 269 cũ) đi xã Huống Thượng (hết địa phận xã Nam Hòa)	500
2	Từ đường Quốc lộ 17 (đường 269 cũ) đi xã Văn Hán (hết địa phận xã Nam Hòa)	500
3	Các đường rẽ từ đường Quốc lộ 17 (đường 269 cũ) vào 200m bê tông hoặc nhựa có mặt đường rộng $\geq 2,5m$	250
4	Các đường rẽ từ đường Quốc lộ 17 (đường 269 cũ) vào 200m đường đất có mặt đường rộng $\geq 3,0m$	200
VI	THỊ TRẤN TRẠI CAU	
1	Từ đường Quốc lộ 17 (đường 269 cũ) vào cổng UBND xã Tân Lợi	500
2	Từ ngã ba Thương nghiệp đến cổng Bệnh viện Trại Cau	1.000
3	Từ ga 48 đến ngầm xã Cây Thị	400
4	Từ cổng Mỏ sắt Trại Cau đến Nhà văn hóa số 7, 8	600
5	Các tuyến đường rẽ từ đường 269 vào 200m	
5.1	Từ cầu Thác Lạc đến điểm đầu đường đô thị Trại Cau	
-	Đường bê tông, nhựa (mặt đường rộng $\geq 2,5m$)	450
-	Đường chưa bê tông, nhựa (mặt đường rộng $\geq 3m$)	350

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	MỨC GIÁ
5.2	Từ điểm đầu đường đô thị Trại Cau đến cầu Đợi Chờ	
-	Đường bê tông, nhựa (mặt đường rộng $\geq 2,5m$)	500
-	Đường chưa bê tông, nhựa (mặt đường rộng $\geq 3m$)	400
5.3	Từ cầu Đợi Chờ đến cầu Đã	
-	Đường bê tông, nhựa (mặt đường rộng $\geq 2,5m$)	400
-	Đường chưa bê tông, nhựa (mặt đường rộng $\geq 3m$)	300
6	Các tuyến đường rẽ trên đoạn đường từ ngã ba Thương nghiệp đến cổng Bệnh viện Trại Cau vào 200m	
-	Đường bê tông, nhựa (mặt đường rộng $\geq 2,5m$)	400
-	Đường chưa bê tông, nhựa (mặt đường rộng $\geq 3m$)	300
7	Đường tránh thị trấn Trại Cau	500
8	Các trục đường trong khu tái định cư Mỏ tầng sâu Núi Quặng	
-	Đường trục chính từ ĐT 269 đi vào	600
-	Các nhánh rẽ từ trục chính	400
VII	XÃ TÂN LỢI	
1	Các tuyến rẽ từ đường 269 vào 200m	
1.1	Đường bê tông hoặc nhựa mặt đường rộng $\geq 2,5m$	220
1.2	Đường chưa bê tông, nhựa (nền đường $\geq 3,0m$)	200
2	Từ UBND xã Tân Lợi đi Phú Bình đến hết đất xã Tân Lợi	300
VIII	XÃ HỢP TIẾN	
1	Từ cách UBND xã Hợp Tiến + 500m đi Tân Thành, Phú Bình	600
2	Cách UBND xã Hợp Tiến 500m đi Tân Thành, Phú Bình đến hết đất Hợp Tiến	300
3	Từ đường 269 đi hồ Cặp Kè (đường bê tông)	200
4	Từ đường 269 đi xóm Đèo Hanh vào 200m	200
5	Từ đường 269 qua chợ Hợp Tiến 50m (đường nhựa)	600
6	Từ cách chợ Hợp Tiến 50m đến ga Hợp Tiến	500
IX	XÃ CÂY THỊ	
1	Từ giáp đất Trại Cau đến cổng UBND xã Cây Thị	400
2	Từ cổng UBND xã Cây Thị đến cổng Khe Tuyên I	350
3	Từ cổng Khe Tuyên I đến ngầm tràn đền Ông Thị	300
4	Từ ngầm tràn đền Ông Thị đến chân dốc Cổng Trời (đường đi xã Văn Hán)	250
X	XÃ HÒA BÌNH	
1	Công chợ Hòa Bình + 200m về ba phía	800
2	Qua công chợ Hòa Bình 200m đến giáp đất xã Văn Lăng	300
3	Cách công chợ Hòa Bình 200m đến giáp đất xã Tân Long	400
4	Cách công chợ Hòa Bình 200m đến giáp cầu phố Hích	450
5	Từ cầu phố Hích đến giáp đất xã Minh Lập	350

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	MỨC GIÁ
XI	XÃ MINH LẬP	
1	Từ công chợ Trại Cài + 200m về hai phía	800
2	Từ cách công chính chợ Trại Cài 200m đi Cầu Môn (hết đất xã Minh Lập)	400
3	Từ Ngã ba xóm Sông Cầu đến Nhà văn hóa xóm Sông Cầu	250
4	Từ ngã tư chợ Trại Cài đi xã Hòa Bình (hết đất xã Minh Lập)	400
5	Từ ngã tư Chợ Trại Cài đến ngã ba Cà Phê 2	400
6	Từ ngã ba Cà Phê 2 đến bến đò Cà Phê 2 (Toàn Thắng)	300
7	Từ ngã ba Cà Phê 2 đến Cổng làng Cà Phê 2	350
8	Từ công làng Cà Phê 2 qua UBND xã đến giáp đất xã Hoà Thượng	400
9	Từ đường Hoà Thượng - Hoà Bình rẽ đến Nhà văn hóa xóm Hang Ne	200
10	Từ công UBND xã Minh Lập + 200m đi xóm Ao Sơn	200
11	Từ ngã ba xóm Na Ca đến ngã ba Trường THCS Minh Lập	300
12	Từ ngã ba gốc đa đi Tân Lập (hết đất xã Minh Lập)	300
13	Từ ngã ba xóm Đoàn Kết + 200m đi làng Chu, Theo Cày	200
14	Từ ngã ba xóm Cầu Môn 2 + 200m đi La Đò	200
15	Từ ngầm Cà Phê vào 200m đi Đồng Sẻ	200
16	Từ ngã ba xóm Bà Đanh vào 200m đi xóm Bà Đanh 1 + 2	300
XII	XÃ KHE MO	
1	Trục đường từ cầu Linh Nham đi Đèo Khế gặp đường Quốc lộ 1B	
1.1	Từ cầu Linh Nham + 100m đi về phía Khe Mo	700
1.2	Cách cầu Linh Nham 100m đến giáp kiốt xăng dầu Bắc Thái	500
1.3	Từ đất kiốt xăng dầu Bắc Thái đến cầu xi măng Khe Mo	600
1.4	Từ cầu xi măng Khe Mo đi Đèo Khế gặp đường Quốc lộ 1B (hết địa phận xã Khe Mo)	300
2	Đường Khe Mo đi xã Văn Hán:	
2.1	Ngã ba chợ Khe Mo + 100m đường đi xã Văn Hán	600
2.2	Cách ngã ba chợ Khe Mo 100m đi xã Văn Hán (hết địa phận xã Khe Mo)	250
2.3	Từ đường nhựa (ngã ba xóm Hải Hà) đến Cầu Sắt	200
2.4	Từ đường nhựa (ngã ba xóm Ao Rôm II) đến D1 Lữ đoàn 575	200
XIII	XÃ VĂN HÁN	
1	Tuyến Khe Mo - Đèo Nhâu	
1.1	Từ giáp đất Khe Mo đến cách chợ Văn Hán 100m	250
1.2	Đoạn từ công chợ Văn Hán đi về 2 phía 50m	800
1.3	Đoạn từ cách công chợ Văn Hán 50m đi tiếp 50m	400
1.4	Đoạn từ Ngã ba Phả Lý đến cột điện phân tuyến Phả Lý - Thái Hưng	300
1.5	Đoạn từ cột điện phân tuyến Phả Lý - Thái Hưng đến suối Cầu Mai	200
1.6	Đoạn từ suối Cầu Mai đến chân Đèo Nhâu	200

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	MỨC GIÁ
2	Tuyến ngã ba Phả Lý đi Thịnh Đức	
2.1	Đoạn từ Ngã ba xóm Phả Lý đến Trạm biến thế xóm Phả Lý	600
2.2	Đoạn từ Trạm biến thế xóm Phả Lý đến xóm Thịnh Đức 1	200
3	Tuyến Vân Hoà đi xã Nam Hoà	
3.1	Đoạn từ ngã ba xóm Vân Hoà đến ngã ba đường rẽ xóm La Cùm	300
3.2	Đoạn ngã ba xóm La Cùm đi xã Nam Hoà (hết đất xã Văn Hán)	200
XIV	XÃ VĂN LĂNG	
1	Từ cầu treo Khe Tiên đi xã Hòa Bình (hết đất xã Văn Lăng):	
1.1	Từ giáp đất xã Hòa Bình đi cầu treo Văn Lăng	300
1.2	Từ cầu treo Văn Lăng đi ngã ba Văn Lăng	250
1.3	Ngã ba Văn Lăng đi cầu treo Khe Tiên	500
1.4	Từ cầu treo Khe Tiên đi hết xóm Liên Phương	200
1.5	Ngã ba Văn Lăng đi hết đất Trường THCS Văn Lăng	300
1.6	Từ hết đất Trường THCS Văn Lăng đến giáp đất xã Phú Đô (Phú Lương)	200
XV	XÃ TÂN LONG	
1	Từ công UBND xã đến cầu tràn Làng Mới	600
2	Từ công UBND xã đến đường rẽ vào Trạm biến áp xóm Làng Mới	600
3	Từ đường rẽ vào Trạm biến áp xóm Làng Mới đến giáp đất xã Quang Sơn	350
4	Từ cầu tràn liên hợp xóm Làng Mới đến giáp đất xã Hòa Bình	350
5	Từ ngã ba cầu tràn đến Đài tưởng niệm xã Tân Long	300
6	Từ Đài tưởng niệm xã Tân Long đến cầu tràn liên hợp, xóm Đồng Mây	200
7	Từ cầu tràn liên hợp, xóm Đồng Mây đến ngã ba Nhà văn hóa xóm Làng Giếng	250
8	Từ ngã ba xóm Luông đi xã Quang Sơn	300

2. Giá đất ở tại nông thôn ngoài những trục đường giao thông chưa được quy định trong Bảng giá trên thì áp dụng Bảng giá sau:

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

Tên đơn vị hành chính	Mức giá			
	Loại 1	Loại 2	Loại 3	Loại 4
Xã: Hóa Thượng	260	240	220	200
Các xã: Quang Sơn, Minh Lập, Khe Mo, Nam Hòa, Hòa Bình, Hóa Trung	190	170	150	130
Các xã: Văn Hán, Văn Lăng, Cây Thị, Hợp Tiến, Tân Lợi, Tân Long	170	150	130	110

Ghi chú: Phân loại đất ở nông thôn theo quy định tại Tiết 2.1 Điểm 2 Mục I Phần B hướng dẫn áp dụng Bảng giá đất.

Phụ lục số 06
BẢNG GIÁ ĐẤT Ở HUYỆN ĐẠI TỪ GIAI ĐOẠN NĂM 2015 - 2019
(Kèm theo Quyết định số 14 /2018/QĐ-UBND ngày 12 tháng 02 năm 2018
của UBND tỉnh Thái Nguyên)

1. Giá đất ở tại đô thị, giá đất ở tại nông thôn bám các trục đường giao thông:

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	MỨC GIÁ
A	TRỤC QUỐC LỘ 37	
I	Trục đường chính từ giáp đất huyện Phú Lương đến đèo Khế giáp đất huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	
1	Từ giáp đất huyện Phú Lương đến đường rẽ vào UBND xã Cù Vân	1.300
2	Từ đường rẽ UBND xã Cù Vân đến cầu Rùm xã Cù Vân	2.500
3	Từ cầu Rùm xã Cù Vân đến cầu Khe Lạnh	2.200
4	Từ cầu Khe Lạnh đến đường tàu cắt ngang Xóm 11, xã Hà Thượng	5.000
5	Từ đường tàu cắt ngang Xóm 11, xã Hà Thượng đến Km số 17 + 200m Thái Nguyên - Đại Từ	3.000
6	Từ Km số 17+ 200m Thái Nguyên - Đại Từ đến cầu suối Cát	3.500
7	Đoạn từ Cầu Suối Cát xã Hà Thượng đến Ki ốt xăng dầu Dốc Đình thị trấn Hùng Sơn (Đường Quốc lộ 37 cải dịch mới)	3.300
8	Từ nhà ông Hùng (dốc Đình) đến hết Kiốt xăng dầu cũ	2.000
9	Từ kiốt xăng dầu cũ đến cầu Đầm Phủ	3.000
10	Từ cầu Đầm Phủ đến đường rẽ vào Hồ Núi Cốc	3.500
11	Từ đường rẽ vào Hồ Núi Cốc đến đầu cầu Huy Ngạc	4.500
12	Từ đầu cầu Huy Ngạc đến đường rẽ xóm Táo thị trấn Hùng Sơn	7.000
13	Từ đường rẽ xóm Táo thị trấn Hùng Sơn đến công Cầu Bò	7.500
14	Từ công Cầu Bò đến kiốt xăng số 19 (đối diện Nghĩa trang thị trấn Đại Từ cũ)	8.000
15	Từ kiốt xăng số 19 (đối diện Nghĩa trang thị trấn Đại Từ cũ) đến đường rẽ vào xóm Gò	7.000
16	Từ đường rẽ vào xóm Gò đến cầu Đen	7.000
17	Từ cầu Đen đến Trạm biến áp xã Tiên Hội	4.000
18	Từ Trạm biến áp xã Tiên Hội đến đường rẽ vào Nghĩa trang xã Tiên Hội	4.300
19	Từ đường rẽ vào Nghĩa trang xã Tiên Hội đến cầu Suối Long	3.500
20	Từ cầu Suối Long đến đường rẽ vào xã Hoàng Nông (Dốc Đò)	4.000
21	Từ đường rẽ vào xã Hoàng Nông (dốc Đò) đến cầu Điệp	2.500
22	Từ cầu Điệp đến hết đất xã Tiên Hội (giáp đất xã Bản ngoại)	1.500

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	MỨC GIÁ
23	Từ giáp đất xã Tiên Hội đến cống Tiêu Ba Giăng	2.000
24	Từ cống tiêu Ba Giăng đến đường rẽ vào xã La Bằng	1.300
25	Từ đường rẽ vào xã La Bằng đến hết đất xã Bản Ngoại	1.000
26	Từ giáp đất xã Bản Ngoại đến cách ngã ba Khuôn Ngàn 150m (về phía xã Bản Ngoại)	1.500
27	Từ cách ngã ba Khuôn Ngàn 150m (về phía xã Bản Ngoại) đến qua đường tàu cắt ngang 100m	2.500
28	Từ qua đường tàu cắt ngang 100m đến đỉnh dốc Mon	1.500
29	Từ đỉnh dốc Mon (đường rẽ vào xã La Bằng) đến qua trụ sở UBND xã Phú Xuyên cũ 300m	2.500
30	Từ qua trụ sở UBND xã Phú Xuyên cũ 300m đến cầu Trà (hết đất xã Phú Xuyên)	1.800
31	Từ cầu Trà đến cầu Tây xã Yên Lãng	1.700
32	Từ cầu Tây xã Yên Lãng đến ngã ba đường rẽ vào xóm Tiên Đốc	2.000
33	Từ ngã ba đường rẽ vào xóm Tiên Đốc đến cống Trường Tiểu học Yên Lãng 1	2.800
34	Từ cống Trường Tiểu học Yên Lãng 1 đến qua kiốt xăng Yên Lãng 300m	1.800
35	Từ qua kiốt xăng Yên Lãng 300m đến hết đất xã Yên Lãng (giáp đất huyện Sơn Dương - Tuyên Quang)	540
II	Trục phụ Quốc lộ 37	
1	Từ Quốc lộ 37 đi vào xã An Khánh	
1.1	Từ Quốc lộ 37 đến cầu Suối Huyền (hết đất xã Cù Vân)	1.000
1.2	Từ cầu Suối Huyền (giáp đất xã Cù Vân) đến đường rẽ Trại giống lúa An Khánh	650
1.3	Từ đường rẽ Trại giống lúa An Khánh đến Trường THCS xã An Khánh	500
1.4	Từ ngã 3 Làng Ngò xã An Khánh đến cầu Bà Yêng (hết đất xã An Khánh)	
1.4.1	Từ Trường THCS xã An Khánh đến cầu Xạc Bi	700
1.4.2	Từ cầu Xạc Bi đến ngã tư xóm Tân Tiến	750
1.4.3	Từ ngã tư xóm Tân Tiến đến cầu Bà Yêng (hết đất xã An Khánh)	750
1.5	Đường Cù Vân - An Khánh	
1.5.1	Từ ngã ba (Trung tâm giống thủy sản Thái Nguyên - đường rẽ vào đường Cù Vân - An Khánh, đoạn bổ sung) đến cầu xóm Đát	400
1.5.2	Từ cầu xóm Đát đến cầu Đồng Khuôn	500
1.5.3	Từ cầu Đồng Khuôn đến ngã ba xóm Đầm (tiếp giáp đường Cù Vân - An Khánh giai đoạn 1)	600
1.5.4	Từ ngã ba Trạm bơm xóm Đồng Sầm đến ngã ba đường rẽ vào Trường Tiểu học xã An Khánh	400

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	MỨC GIÁ
2	Từ Quốc lộ 37 vào Kho K9 xã Cù Vân	
2.1	Từ Quốc lộ 37 vào 100m	1.000
2.2	Qua 100m đến 300m	800
2.3	Qua 300m đến cổng Kho K9	500
2.4	Từ cổng Kho K9 đến ngã ba bãng tin Xóm 12 + 13 xã Cù Vân	300
3	Từ Quốc Lộ 37 đi vào Mỏ than Phấn Mễ	
3.1	Từ Quốc Lộ 37 đến nhà cân Mỏ than Phấn Mễ	2.000
3.2	Từ nhà cân mỏ than Phấn Mễ đến hết đất xã Hà Thượng	1.000
3.3	Từ giáp đất xã Hà Thượng đến giáp đất vành đai M3 - BLC	600
3.4	Từ giáp đất vành đai M3 - BLC đến cầu Đát Ma (giáp đất huyện Phú Lương)	500
4	Từ Quốc Lộ 37 vào đến Nhà văn hóa Xóm 13, và lô 2, lô 3 khu quy hoạch Văn phòng Mỏ than Làng Cẩm	2.000
5	Từ Quốc Lộ 37 vào hết đường bê tông Xóm 5 xã Hà Thượng	1.700
6	Từ Quốc Lộ 37 vào đến cầu Cau, Xóm 9 xã Hà Thượng	1.000
7	Từ Quốc Lộ 37 vào Trường Tiểu học xã Hà Thượng	1.000
8	Từ Quốc Lộ 37 vào Kho Muối xã Hà Thượng (Xóm 6 + Xóm 7)	
8.1	Từ Quốc Lộ 37 vào tới đường tàu cắt ngang (bao gồm khu quy hoạch dân cư xóm 6 + 7)	1.000
8.2	Từ đường tàu cắt ngang đến cổng Kho Muối	500
9	Từ Quốc Lộ 37 (đường Mỏ Thiếc) đi qua UBND xã Phục Linh sang xã Tân Linh	
9.1	Từ Quốc Lộ 37 vào đến hết đất xã Hà Thượng	500
9.2	Từ giáp đất xã Hà Thượng đến qua cổng UBND xã Phục Linh 200m (đường đi Tân Linh)	550
9.3	Từ qua cổng UBND xã Phục Linh 200m đến ngã ba đường rẽ đi xã Tân Linh	400
9.4	Từ ngã ba đường rẽ đi xã Tân Linh đến giáp đất xã Tân Linh (hết đất xã Phục Linh)	500
9.5	Từ ngã ba xóm Soi đến cầu Sung	400
9.6	Từ ngã ba xóm Khuôn 3 đến Trạm điện số 35	350
9.7	Từ ngã ba xóm Mận (đi qua cổng kho KV3) đến hết đất xã Phục Linh giáp đất xã Hà Thượng	500
10	Từ Quốc lộ 37 vào xã Tân Linh đi Phục Linh	
10.1	Từ đỉnh dốc Đá đến cách ngã ba cầu Suối Bọt 150m	500
10.2	Từ ngã ba cầu Suối Bọt + 150m về ba phía	700
10.3	Qua ngã ba cầu Suối Bọt 150m đến hết đất xã Tân Linh (giáp đất xã Phục Linh)	600
10.4	Qua ngã ba cầu Suối Bọt 150m đến cầu Vực Xanh xã Tân Linh	600
10.5	Từ cầu Vực Xanh xã Tân Linh đến cổng UBND xã Tân Linh + 350m	1.000

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	MỨC GIÁ
10.6	Qua cổng UBND xã Tân Linh 350m đến ngã ba Kiến Linh	700
10.7	Từ ngã ba Kiến Linh đến cổng Xóm 6, xã Tân Linh	1.000
10.8	Từ cổng Xóm 6, xã Tân Linh đến cách ngã tư Thái Linh 150m	600
10.9	Từ cách ngã tư Thái Linh 150m đến cầu bê tông Xóm 3, xã Tân Linh	800
10.10	Từ cầu bê tông Xóm 3, xã Tân Linh đến hết đất xã Tân Linh (giáp đất xã Phú Lạc)	500
11	Từ Quốc Lộ 37 đi qua Trường THCS thị trấn Hùng Sơn đến giáp đường đi xóm Đồng Cả	1.800
12	Từ Quốc Lộ 37 đến hết đất nhà ông Nguyễn xóm Xuân Đài	
12.1	Từ Quốc Lộ 37 đến nhà ông Thâu (ngã tư đường bê tông Xóm 18)	1.500
12.2	Từ hết đất nhà ông Thâu (ngã tư đường bê tông Xóm 18) đến ngã 3 đường rẽ nhà thờ Yên Huy	1.000
12.3	Từ ngã 3 đường rẽ nhà thờ Yên Huy đến hết đất ở nhà ông Nguyễn xóm Xuân Đài	800
13	Từ Quốc Lộ 37 vào xóm Táo thị trấn Hùng Sơn	
13.1	Từ Quốc Lộ 37 đến đường Nam Sông Công	2.500
13.2	Trục đường Nam Sông Công	3.500
13.3	Nhánh đường Nam Sông Công - Đoạn từ Đường Nam Sông Công đến hết đất nhà ông Trường	1.000
14	Từ Quốc Lộ 37 đến cổng Trường PTTH Đại Từ	3.000
15	Từ Quốc lộ 37 vào 100m (nhà ông Lưu) Xóm 4 thị trấn Hùng Sơn (đối diện đường rẽ vào Trường PTTH Đại Từ)	1.200
16	Đất ở thuộc lô 2 sau bến xe khách Đại Từ	2.000
17	Từ Quốc Lộ 37 vào đường Đồng Khốc đến giáp đường vào Trung tâm Y tế Đại Từ	
17.1	Từ Quốc lộ 37 đến đường rẽ Trường Mầm non thị trấn Hùng Sơn	5.500
17.2	Từ đường rẽ Trường Mầm non thị trấn Hùng Sơn đến ngã tư đường vào cổng phụ Trường THPT Đại Từ	3.500
17.3	Từ ngã tư đường vào cổng phụ Trường THPT Đại Từ đến giáp đường vào Bệnh viện Đa khoa Đại Từ	3.000
17.4	Từ đường 261(cầu Gò Sơn) đến cổng phụ Trường THPT Đại Từ	2.200
18	Từ Quốc lộ 37 (cạnh Trạm điện) vào đến hết đất nhà ông Dương Đình Từ	2.000
19	Từ Quốc lộ 37 (đoạn ngã ba Bru điện huyện Đại Từ đi khỏi đoàn thể) ra đường Quốc lộ 37 đối diện đường đi Khôi Kỳ - Mỹ Yên	2.000

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	MỨC GIÁ
20	Từ Quốc lộ 37 (cầu Tây Phố Mới) đến cổng Đài tưởng niệm huyện Đại Từ	2.500
21	Từ Quốc lộ 37 (đối diện Ngân hàng nông nghiệp huyện Đại Từ) vào đến nhà ông Tâm	2.000
22	Từ Quốc lộ 37 vào đến cổng UBND huyện Đại Từ	3.000
23	Đường từ Quốc lộ 37 (ngã ba Bách hoá) đi Khôi Kỳ - Mỹ Yên	
23.1	Từ Quốc lộ 37 (ngã 3 Bách Hoá) đến cầu Thông	4.000
23.2	Từ cầu Thông đến hết đất Khu di tích 27/7	3.000
23.3	Từ hết đất Khu di tích 27/7 đến đường rẽ xóm Gò	1.700
23.4	Từ đường rẽ xóm Gò đến hết đất thị trấn Hùng Sơn	1.200
23.5	Từ giáp đất thị trấn Hùng Sơn đến đường rẽ Nhà văn hoá xóm Hoà Bình, xã Khôi Kỳ	1.100
23.6	Từ đường rẽ Nhà văn hoá xóm Hoà Bình đến đường rẽ vào UBND xã Khôi Kỳ (đường 1) giáp nhà ông Thủy	1.000
23.7	Từ đường rẽ vào UBND xã Khôi Kỳ (đường 1) giáp nhà ông Thủy đến cầu Đức Long xã Khôi Kỳ	850
23.8	Từ cầu Đức Long xã Khôi Kỳ đến UBND xã Mỹ Yên + 200m	
-	Từ cầu Đức Long xã Khôi Kỳ đến Trạm điện Na Hồng (đường rẽ vào xóm Làng Lớn)	700
-	Từ Trạm điện Na Hồng (đường rẽ vào xóm Làng Lớn) đến UBND xã Mỹ Yên + 200m	600
23.9	Từ UBND xã Mỹ Yên + 200m đến giáp đất xã Văn Yên	400
24	Các nhánh của trục đường từ Quốc lộ 37 (ngã ba bách hoá) đi Khôi Kỳ - Mỹ Yên	
24.1	Tuyến nối từ đường Đại Từ - Mỹ Yên đến đường Phố Mới	2.000
24.2	Từ trục đường vào đến cổng Trung tâm Chính trị (+) 50m	1.500
24.3	Từ giáp đất 27 tháng 7 đến cổng Trường PTTH cũ	600
24.4	Từ nhà văn hoá xóm 11 thị trấn Hùng Sơn đến tiếp giáp đường vào Trường THPT cũ	600
24.5	Đường bê tông từ giáp đất nhà ông Thủy đến UBND xã Khôi Kỳ	500
24.6	Từ Trạm điện số 2, xã Khôi Kỳ đến ngã ba Nhà văn hoá xóm Gò Miêu (tiếp giáp đường 5 xã)	450
24.7	Từ ngã ba (giáp nhà ông Lê Bá Đông - xóm Đức Long) đến Trạm điện số 2 xã Khôi Kỳ	500
24.8	Từ tràn 2 (tiếp giáp đất xã Mỹ Yên) đến Tràn 7 giáp đất xã Hoàng Nông (đường 5 xã)	500
24.9	Từ ngã tư (ông Hoà) đến ngã ba tràn Na Giai	
24.9.1	Từ ngã tư (ông Hoà) + 500m	350
24.9.2	Qua ngã tư (ông Hoà) + 500m đến ngã ba Tràn Na Giai	300

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	MỨC GIÁ
24.9.3	Từ Trạm điện Na Hang đến giáp đất xã Khôi Kỳ	250
25	Từ Quốc lộ 37 vào Nhà máy nước	
25.1	Từ Quốc Lộ 37 đến hết đất Nhà máy nước	2.500
25.2	Từ hết đất Nhà máy nước đến giáp bờ sông	600
26	Từ Quốc lộ 37 vào Trường Tiểu học Hùng Sơn I	
26.1	Từ Quốc lộ 37 đến hết đất ô P7 (khu tái định cư Hùng Sơn III)	3.500
26.2	Từ hết đất ô P7 (khu tái định cư Hùng Sơn III) đến hết đất nhà ông Đàm	1.500
26.3	Từ đến hết đất nhà ông Đàm - đến Trường Tiểu học Hùng Sơn I	1.800
26.4	Từ cổng Trường TH Hùng Sơn 1 qua Nhà văn hóa xóm Hàm Rồng đến nhà bà Nguyễn Bích Thủy xóm Hàm Rồng	1.500
27	Từ Quốc lộ 37 vào khu tái định cư Hùng Sơn III	
27.1	Từ Quốc lộ 37 đến hết đất ô M4	3.500
27.2	Từ ô N9 đến ô A1	2.500
27.3	Các tuyến đường còn lại trong khu quy hoạch tái định cư Hùng Sơn III	2.000
28	Từ Quốc lộ 37 đến Nhà văn hoá xóm Phố Dầu xã Tiên Hội	1.200
29	Từ Quốc lộ 37 đến cổng Trường Tiểu học xã Tiên Hội	1.200
30	Từ Quốc lộ 37 (Đốc Đò) vào xã Hoàng Nông	
30.1	Từ Quốc lộ 37 đến hết đất Trường Mầm non xã Tiên Hội	800
30.2	Từ hết đất Trường Mầm non xã Tiên Hội đến hết đất xã Tiên Hội	700
30.3	Từ Quốc lộ 37 vào 150m (đường bê tông xóm Đại Quyết)	600
30.4	Từ giáp đất xã Tiên Hội đến ngã tư làng Đảng xã Hoàng Nông	500
30.5	Từ ngã tư làng Đảng, xã Hoàng Nông đến Trạm kiểm lâm Hoàng Nông	600
30.6	Từ Trạm kiểm lâm Hoàng Nông đến đỉnh dốc Thủy Điện cũ xã Hoàng Nông	500
30.7	Từ đỉnh dốc Thủy Điện cũ xã Hoàng Nông đến cống qua đường (giáp nhà ông Ngôn)	350
30.8	UBND xã Hoàng Nông (+, -) 200m về hai phía	350
31	Nhánh của tuyến đường liên xã Tiên Hội - Hoàng Nông	
31.1	Từ Trạm điện số 3 xã Hoàng Nông đến cầu trần số 7 (giáp đất xã Khôi Kỳ) - Tuyến đường 5 xã	350
31.2	Từ Trạm điện số 2 xã Hoàng Nông đến giáp đất xã La Bằng (tuyến đường 5 xã)	350
32	Từ Quốc lộ 37 (ngã ba Ba Giăng) đến cầu treo xã Phú Lạc	
32.1	Từ Quốc lộ 37 (ngã ba Ba Giăng) đến đường rẽ đi cầu Treo xã Phú Lạc (giáp nhà ông Minh)	600

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	MỨC GIÁ
32.2	Từ đường rẽ đi cầu treo xã Phú Lạc (giáp nhà ông Minh) đến cầu treo xã Phú Lạc	300
33	Từ đường rẽ đi cầu treo xã Phú Lạc (giáp nhà ông Minh) đến hết đất xã Bản Ngoại (giáp xã Phú Thịnh)	400
34	Từ Quốc lộ 37 (công Trạm Y tế) đến hết đất xã Bản Ngoại (giáp đất xã Phú Lạc)	
34.1	Từ Quốc lộ 37 (công Trạm Y tế) đến ngã tư xóm Phố xã Bản Ngoại	400
34.2	Từ ngã tư xóm Phố, xã Bản Ngoại đi Đàm Bằng hết đất xã Bản Ngoại (giáp đất xã Phú Lạc)	400
35	Từ Quốc lộ 37 đến khu di tích lịch sử xóm Đàm Mua xã Bản Ngoại	300
36	Từ ngã ba nhà ông Việt xóm Đàm Bằng đến hết đất xã Bản Ngoại giáp xã Tân Linh	200
37	Từ giáp đất nhà ông Thi (xóm Na Mận) đi xóm Cao Khan giáp xã Tiên Hội	200
38	Từ công tiêu Ba Giảng đi xã Tiên Hội - Hoàng Nông đến hết đất xã Bản Ngoại (đường liên xã Bản Ngoại - Tiên Hội - Hoàng Nông)	300
39	Từ ngã 3 (nối Quốc lộ 37 đi di tích Đàm Mua) đến hết đất Bản Ngoại và hết đất xã Hoàng Nông)	300
40	Từ Quốc Lộ 37 đi vào xã La Bằng	
40.1	Từ Quốc lộ 37 đến hết xã Bản Ngoại (giáp đất xã La Bằng)	600
40.2	Từ giáp đất xã Bản Ngoại đến Trạm biến áp xóm Lau Sau	300
40.3	Từ Trạm biến áp xóm Lau Sau đến công Trường Mầm non xã La Bằng	350
40.4	Từ công Trường Mầm non xã La Bằng đến ngã ba cây Si + 100m (đi Phú Xuyên) + 100m đi xóm Rừng Vàng	800
40.5	Từ ngã ba cây Si + 100m (đường đi xã Phú Xuyên) đến hết đất xã La Bằng	350
40.6	Từ ngã ba cây Si + 100m đến Trạm biến áp xóm Rừng Vàng	350
40.7	Từ Trạm biến áp xóm Rừng Vàng đến đường rẽ xóm Tiên Thành xã La Bằng	250
40.8	Từ đường rẽ xóm Tiên Thành xã La Bằng đến Đập Kẹm xã La Bằng	220
40.9	Nhánh của trục đường từ Quốc lộ 37 đi xã La Bằng	
40.9.1	Từ trục đường đến khu di tích thành lập Đảng (xã La Bằng)	300
40.9.2	Giáp đất xã Hoàng Nông đến cầu Trần Non Bẹ	220
41	Từ Quốc lộ 37 (đốc Môn) đến hết đất xã Phú Xuyên (giáp xã La Bằng)	700
42	Từ Quốc Lộ 37 vào trạm Y tế cũ xã Phú Xuyên	400

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	MỨC GIÁ
43	Từ Quốc Lộ 37 (cây Đa đôi) vào UBND xã Na Mao:	
43.1	Từ Quốc lộ 37 (cây Đa đôi) đi xã Na Mao, vào 200m	600
43.2	Từ cách Quốc lộ 37 vào 200m đến UBND xã Na Mao	300
43.3	Từ UBND xã Na Mao đến ngã tư (giáp đường Na Mao - Phú Cường - Đức Lương)	350
44	Từ Quốc lộ 37 (đường đi Tượng đài thanh niên xung phong) đến hết đất xã Yên Lãng	
44.1	Từ Quốc lộ 37 đến đường đi Tượng đài thanh niên xung phong	800
44.2	Từ đường đi Tượng đài thanh niên xung phong đến hết đất xã Yên Lãng	600
44.3	Từ Quốc lộ 37 (đường Nguyễn Huệ) đến ngã tư xóm Giữa, xã Yên Lãng	600
45	Từ Quốc lộ 37 đến Nhà văn hoá xóm Khuôn Nanh	300
46	Từ Quốc Lộ 37 đi vào Mỏ than Núi Hồng xã Yên Lãng	
46.1	Từ Quốc lộ 37 (từ ngã ba Chợ Yên Lãng) đến hết đất Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp xã Yên Lãng	2.640
46.2	Từ giáp đất Chi nhánh Ngân hàng đến cổng Văn phòng Mỏ than Núi Hồng	2.160
46.3	Từ cổng Văn phòng Mỏ than Núi Hồng đến đường rẽ vào Bàn Cân	900
46.4	Từ đường rẽ vào Bàn Cân đến núi đá Vôi (xóm cây Hồng)	540
46.5	Nhánh từ cổng Văn phòng Mỏ than Núi Hồng đến tập thể Mỏ (Khu B)	420
47	Từ Quốc lộ 37 vào khu quy hoạch dân cư sau xí nghiệp chè Đại Từ (Trục phụ QL 37)	1.500
48	Từ Quốc lộ 37 qua TDP An Long, xóm Hàm Rồng đi xóm Vân Long (Đường liên xã Hùng Sơn - Phú Lạc) (trục phụ Quốc lộ 37)	
48.1	Từ Quốc lộ 37 vào đường bê tông TDP An Long qua nhà ông Phạm Khắc Dũng đến nhà bà Nguyễn Bích Thủy xóm Hàm Rồng	1.000
48.2	Từ nhà ông Trần Quang Mẫn theo đường liên xã đi xóm Vân Long đến hết đất thị trấn Hùng Sơn	500
49	Từ Quốc lộ 37 vào đường Đồng Khốc đến giáp đường vào Trung tâm Y tế Đại Từ	
-	Từ cổng công an huyện đến tường rào Trường THPT Đại Từ	2.500
50	Các nhánh của trục đường từ Quốc lộ 37 (ngã ba bách hóa) đi Khôi Kỳ, Mỹ Yên	
-	Từ Đường Đại Từ - Mỹ Yên đi qua Nhà văn hóa xóm Giữa đến ngã tư đường vào Trường Dân tộc nội trú	600
-	Đường liên xóm đoạn từ Quốc lộ 37 (cũ) đến ngã ba đường đi xóm Hàm Rồng và xóm Vân Long (địa phận thị trấn Hùng Sơn)	700

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	MỨC GIÁ
B	TRỤC ĐƯỜNG TỈNH LỘ	
I	Đường 270 (từ quốc lộ 37 đi Hồ Núi Cốc)	
1	Từ Quốc Lộ 37 vào 300m	1.500
2	Cách Quốc Lộ 37 300m đến hết đất thị trấn Hùng Sơn giáp xã Tân Thái	1.000
3	Từ giáp đất thị trấn Hùng Sơn đến cổng qua đường nhà ông Năm Thuý	800
4	Từ cổng qua đường nhà ông Năm Thuý đến Suối Lạc	1.100
5	Từ Suối Lạc đến cổng qua đường Đầm ông Cầu	1.600
6	Từ cổng qua đường Đầm ông Cầu đến cổng qua đường nhà ông Ninh xóm Gốc Mít	3.000
7	Từ cổng qua đường nhà ông Ninh xóm Gốc Mít đến hết đất xã Tân Thái	2.000
II	Đường 261 (ngã ba Bưu điện huyện Đại Từ đi Quân Chu)	
1	Từ Quốc Lộ 37 đến đường rẽ (hết đất nhà ông Ngô Duy Khang)	8.000
2	Từ đường rẽ (hết đất nhà ông Ngô Duy Khang) đến cầu Gò Sơn	5.500
3	Từ cầu Gò Sơn đến ngã 3 sân vận động	3.000
4	Từ ngã 3 sân vận động đến cầu Suối Tắm	3.500
5	Từ cầu suối Tắm đến cầu Cỏ Trâu	3.300
6	Từ cầu Cỏ Trâu đến hết đất xã Bình Thuận	2.200
7	Từ giáp đất xã Bình Thuận đến cầu Đầu xã Lục Ba (Km 3 + 600)	1.300
8	Từ cầu Đầu xã Lục Ba (Km3 + 600) đến đường rẽ vào Nghĩa địa Gò Chùa, xóm Đồng Mưa xã Lục Ba (Km4 + 300)	2.000
9	Từ đường rẽ vào Nghĩa địa Gò Chùa xóm đồng Mưa xã Lục Ba (Km4 + 300) đến đường rẽ vào xóm Gò Lớn xã Lục Ba (Km5 + 500)	1.400
10	Từ đường rẽ vào xóm Gò Lớn (Km5 + 500) đến hết đất xã Lục Ba (Km7 + 100)	1.000
11	Từ giáp đất xã Lục Ba đến đường rẽ vào xã Vạn Thọ	900
12	Từ đường rẽ vào xã Vạn Thọ đến cầu treo (xóm Cà, xã Ký Phú)	1.500
13	Từ cầu Treo (xóm Cà, xã Ký Phú) đến hết đất xã Ký Phú	1000
14	Từ giáp đất xã Ký Phú đến đường rẽ vào Nhà văn hoá xóm Trung Nhang	600
15	Từ đường rẽ vào Nhà văn hoá xóm Trung Nhang đến Đồng Đầm Tranh, xóm Nông Trường	1.000
16	Từ Đồng Đầm Tranh, xóm Nông Trường đến Ngâm tràn 3 Gò (hết đất xã Cát Nê)	600
17	Từ Ngâm tràn 3 Gò đến đường rẽ UBND xã Quân Chu	350
18	Từ đường rẽ UBND xã Quân Chu đến hết đất Trường THCS xã Quân Chu	600

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	MỨC GIÁ
19	Từ hết đất Trường THCS xã Quân Chu đến đường rẽ xóm 2, thị trấn Quân Chu	600
20	Từ đường rẽ xóm 2, thị trấn Quân Chu đến cổng Trường Tiểu học thị trấn Quân Chu	420
21	Từ cổng Trường Tiểu học thị trấn Quân Chu đến cầu suối Đồi	600
22	Từ cầu suối Đồi đến cầu suối Liếng xã Quân Chu	480
III	Trục phụ đường DT 261	
1	Từ cổng Đài tưởng niệm huyện Đại Từ đến cổng Ban chỉ huy quân sự huyện Đại Từ	3.500
2	Từ trục đường 261 đến cổng Bệnh viện Đa khoa huyện Đại Từ	3.500
3	Từ cổng Bệnh viện Đa khoa huyện Đại Từ đến Nhà Khí tượng cũ	2.000
4	Các đường còn lại trong quy hoạch dân cư Bệnh viện đa khoa Đại Từ	1.000
5	Từ đường vào Bệnh viện Đa khoa Đại Từ đến Trung tâm y Tế Đại Từ	2.000
6	Từ đường 261 vào Trường THPT cũ (xóm Phú Thịnh, thị trấn Hùng Sơn)	
6.1	Từ đường 261 vào 100m	1.200
6.2	Từ đường 261 vào 100m đến giáp sân thể thao Trường PTH cũ	800
7	Từ đường 261 vào 300m (đi xóm Bình Xuân) xã Bình Thuận	600
8	Từ đường 261 vào 350m (đi xóm Trại) xã Bình Thuận	500
9	Từ đường 261 vào 350m đi Trường Mầm non, Tiểu học Bình Thuận	600
10	Từ đường 261 vào 350m (đi xóm Chùa) xã Bình Thuận	500
11	Từ đường 261 vào 350m (đi xóm Thanh Phong) xã Bình Thuận	400
12	Từ đường 261 vào 350m (đi xóm Thuận Phong) xã Bình Thuận	400
13	Từ đường 261 vào 350m (đi xóm Tiến Thành) xã Bình Thuận	500
14	Từ đường 261 vào 350m đến Nhà văn hoá xóm Thuận Phong	400
15	Từ đường 261 đi Trường THSC xã Lục Ba	
15.1	Từ đường 261 vào đến Trường THCS Lục Ba	600
15.2	Từ giáp đất Trường THCS đến ngã ba ông Ky, xóm Thành Lập	300
15.3	Từ giáp đất Trường THCS đến Trạm biến áp xóm Văn Thanh	300
15.4	Từ đường 261 đến ngã ba nhà ông Úy (đường đi xóm Gò Lớn)	300
15.5	Từ đường 261 đến ngã tư nhà ông Huỳnh	300
16	Từ đường 261 vào xã Vạn Thọ	
16.1	Từ đường 261 vào đến cầu treo xã Vạn Thọ	1.000
16.2	Từ trấn Vạn Thọ đến trụ sở UBND xã Vạn Thọ + 200m	600
16.3	Từ Trụ sở UBND xã Vạn Thọ + 200m đến cầu Vai Say	500
16.4	Nhánh của trục đường ĐT 261 vào xã Vạn Thọ	
-	Từ đường trục xã (trạm điện Xóm 5) vào 100m	420
-	Từ đường trục xã vào 100m (đường vào Xóm 6)	420

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	MỨC GIÁ
17	Từ đường 261 vào xã Văn Yên	
17.1	Từ đường 261 đến ngã tư Gò Quếch	400
17.2	Từ ngã tư Gò Quếch đến đường vào Trường Mầm non xã Văn Yên	500
17.3	Từ đường vào Trường Mầm non xã Văn Yên đến Nhà văn hoá xóm Cầu Găng	400
17.4	Từ Nhà văn hoá xóm Cầu Găng đến hết đất xã Văn Yên (giáp đất xã Mỹ Yên)	350
18	Nhánh của trục phụ (đường ĐT 261 vào xã Văn Yên)	
18.1	Từ đường trục xã đến Chùa Già	300
18.2	Từ đường rẽ Trường Tiểu học đến Trường Mầm non	300
19	Từ đường 261 vào đến giáp hồ Gò Miếu xã Ký Phú	500
20	Từ đường ĐT 261 (sau nhà ông Sơn Cảnh) + 120m - vào xóm Đạn 1, xã Ký Phú	500
21	Từ đường ĐT 261 (nhà ông Cầu Uyên) đường bê tông xóm Soi, xã Ký Phú đến Ngã ba đường rẽ sang xã Vạn Thọ (giáp nhà ông Trần Văn Thúc)	500
22	Từ đường 261 đến UBND xã Quân Chu	250
23	Từ đường 261 (ngã 3 rẽ Xóm 2) đến suối Xóm 2	300
24	Từ đường 261 (ngã ba rẽ xóm Chiêm) đến ngã ba (nhà ông Nhân) +100m	250
25	Từ giáp sân thể thao Trường Dân tộc nội trú đến cổng Trường Dân tộc nội trú	600
26	Từ ngã ba giáp đường tỉnh lộ DT261 (nhà ông Bính) đến ngã ba nhà ông Tiến Lượng xóm Nương Cao, xã Cát Nê	300
27	Từ ngã ba nhà ông Tiến Lượng xóm Nương Cao xã Cát Nê đến cầu bê tông (giáp đất nhà ông Đình Công Dũng xóm Thâm Thịnh giáp đất thị trấn Quân Chu)	250
28	Tuyến đường trục xã, đoạn từ Cổng Nhà ông Vũ Văn Phong, xóm Cẩm 1 (giáp bờ Moong Mỏ than Phấn Mễ) đến đất nhà ông La Quang Đại xóm Ngọc Tiến hết đất xã Phục Linh (giáp đất xã Phấn Mễ, huyện Phú Lương)	250
29	Tuyến từ nhà anh Trần Văn Thắm, xóm Khuôn 2 đến Góc Sung, xóm Khru 2	250
30	Trục phụ Quốc lộ 37, từ Quốc lộ 37 xóm 8, xã Phú Xuyên đến giáp đất xã Na Mao	250
IV	Đường 264 từ ngã ba Khuôn Ngàn đi Minh Tiến	
1	Từ Quốc Lộ 37 (ngã ba Khuôn Ngàn) đến hết đất xã Phú Xuyên	3.000
2	Từ giáp đất xã Phú Xuyên đến hết đất Trường THPT Nguyễn Huệ	2.500

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	MỨC GIÁ
3	Từ hết đất Trường THPT Nguyễn Huệ đến hết đất Trường THCS xã Phú Thịnh	700
4	Từ giáp đất Trường THCS xã Phú Thịnh đến cầu tràn Phú Minh	450
5	Từ cầu tràn Phú Minh đến ngã ba Phú Minh	800
6	Từ ngã ba Phú Minh đến hết đất xã Phú Thịnh (giáp đất xã Phú Cường)	450
7	Từ giáp đất xã Phú Thịnh đến Km5 + 800m	
7.1	Từ giáp đất xã Phú Thịnh đến Km5 + 200m (trước cửa nhà ông Ước)	600
7.2	Từ Km5 + 200m trước cửa nhà ông Ước đến Km5 + 800m (hết đất UBND xã Phú Cường cũ)	700
8	Từ Km5 + 800m (hết đất UBND xã Phú Cường cũ) đến Km 6 (thổ cư nhà ông Quyền)	700
9	Từ Km6 (thổ cư nhà ông Quyền) đến Km6 + 900m (cổng Đồng Hàng)	700
10	Từ Km6 + 900m (cổng Đồng Hàng) đến Km8 + 300m	550
11	Từ Km 8 + 300m đến hết đất xã Phú Cường (Km 8 + 900)	360
12	Từ giáp đất xã Phú Cường đến đầm Thâm Mỗ xã Minh Tiến	480
13	Từ đầm Thâm Mỗ xã Minh Tiến đến Trạm bơm điện xã Minh Tiến	
13.1	Từ hết đầm Thâm Mỗ đến cầu Cảnh Thịnh xã Minh Tiến	720
13.2	Từ cầu Cảnh Thịnh xã Minh Tiến đến Trạm bơm điện xã Minh Tiến	1.000
14	Từ Trạm bơm điện xã Minh Tiến đến hết đất xã Minh Tiến (giáp đất huyện Định Hoá)	500
15	Trục phụ 264	
15.1	Nhánh từ ngã ba chợ cũ xã Minh Tiến đến Trạm điện xóm 8, xã Minh Tiến	700
15.2	Từ Trạm điện Xóm 8, xã Minh Tiến đến hết đất xã Minh Tiến (giáp đất xã Phúc Lương)	400
15.3	Từ ngã ba (giáp nhà ông Khiên) đến cầu treo sắt (đường vào Trạm y tế xã Minh Tiến)	600
15.4	Từ cầu sắt (đường rẽ vào xóm Lưu Quang) đến Nhà văn hoá Xóm 1 Lưu Quang, xã Minh Tiến	300
V	Đường 263, từ ngã ba Phú Minh - Đi huyện Đại Từ	
1	Từ ngã ba Phú Minh đến hết đất xã Phú Thịnh (giáp xã Phú Lạc)	350
2	Từ giáp đất xã Phú Thịnh đến hết đất xã Phú Lạc (giáp xã Đức Lương)	600
3	Từ ngã ba Chợ Trung tâm xã Phú Lạc đến cầu Đá xóm cây Nhừ	500
4	Từ cầu Đá xóm Cây Nhừ đến hết đất xã Phú Lạc (giáp đất xã Tân Linh)	400

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	MỨC GIÁ
5	Từ cầu Đá, xóm cây Nhừ, xã Phú Lạc đi xóm Phương Nam 2, xóm Phương Nam 3 đến hết đất xã Phú Lạc (giáp xã Bản Ngoại)	300
6	Từ ngã ba trung tâm xóm Na Hoàn đến cầu treo Làng Vòng, xã Phú Lạc	300
7	Từ giáp đất xã Phú Lạc đến cách UBND xã Đức Lương 200m	300
8	Từ UBND xã Đức Lương + 200m về 2 phía	600
9	Từ UBND xã Đức Lương 200m đến ngầm cầu Tuất xã Phúc Lương	300
10	Từ ngầm cầu Tuất đến hết khu quy hoạch (giáp nghĩa trang liệt sỹ xã Phúc Lương)	350
11	Từ nghĩa trang liệt sỹ xã Phúc Lương đến cách UBND xã Phúc Lương cũ 300m	250
12	Từ cách UBND xã Phúc Lương cũ 300m đến ngã ba đường đi cầu Đá Dài	300
13	Từ ngã ba đi cầu Đá Dài đến hết đất xã Phúc Lương (giáp đất huyện Phúc Lương)	250
C	TUYẾN ĐƯỜNG NA MAO - PHÚ CƯỜNG - ĐỨC LƯƠNG	
1	Từ cầu Tràn, xóm Đồng Ôm, xã Yên Lãng đến hết đất xã Na Mao (tiếp giáp đất xã Phú Cường)	250
2	Từ giáp đất xã Na Mao đến bờ Sông Công xã Phú Cường	300
3	Từ tiếp giáp đường ĐT 264 đến ngã ba xóm Na Quýt, xã Phú Cường (trước cửa nhà ông Hoàng Văn Đường)	450
4	Từ ngã ba xóm Na Quýt xã Phú Cường (trước cửa nhà ông Hoàng Văn Đường) đến Km số 6 (trước cửa nhà ông Chư)	300
5	Km số 6 (trước cửa nhà ông Chư) đến hết đất xã Phú Cường (giáp đất xã Đức Lương)	250
6	Từ hết đất xã Phú Cường đến đường ĐT 263 (thuộc xã Đức Lương)	300
D	TUYẾN ĐƯỜNG PHÚC LƯƠNG - MINH TIẾN	
1	Từ ngã ba Mặt Giăng đến cầu Đồng Lốc, xóm Bắc Máng	250
2	Từ cầu Đồng Lốc đến hết đất xã Phúc Lương (giáp đất xã Minh Tiến)	200
Đ	TUYẾN ĐƯỜNG PHÚ CƯỜNG - MINH TIẾN	
1	Từ giáp đường ĐT264 đến cầu Tràn xóm Chiềng xã Phú Cường	350
2	Từ cầu Tràn, xóm Chiềng, xã Phú Cường đến hết đường bê tông xóm Chiềng (cổng nhà ông Thịnh)	300
E	TUYẾN ĐƯỜNG NA MAO - PHÚ CƯỜNG	
1	Từ đầu cầu treo xóm Đèo đến cách Trạm điện xóm Đèo 50m (về phía cầu treo xóm Đèo) xã Phú Cường	300
2	Từ cách Trạm điện xóm Đèo 50m (về phía cầu treo xóm Đèo) xã Phú Cường đến cầu Đầm Vuông giáp xã Na Mao	300
3	Từ cầu Đầm Vuông, xã Na Mao đến ngã tư ông Trần Đoàn Thắng	250

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	MỨC GIÁ
G	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG KHÁC (BỔ SUNG)	
1	Đường vào Chùa Thiên Tây Trúc: Đoạn từ Trạm Kiểm lâm Quân Chu đến ngã ba Ông Cham	400
2	Đường vào Chùa Thiên Tây Trúc: Đoạn từ ngã ba Ông Cham đến Cầu Đá Trắng	300
3	Từ đường rẽ UBND xã Quân Chu đến ngã ba ông Cham	250
4	Từ đường suối Ông Cảnh Tàn đến cầu xóm Chiêm 1 xã Quân Chu	250
5	Đường Liên xã Cát Nê - Thập Thành Quân Chu đoạn từ Cầu Khuôn Gà đến hết đất thị trấn Quân Chu (giáp xóm Thập Thành xã Cát Nê)	250
6	Từ ĐT261 (ngã ba đi xóm 5) đến cầu xóm 5	250
7	Từ ĐT261 xóm 3 (nhà ông Toán) đến ngã ba xóm 2 (nhà ông Y Sáu)	250
H	Từ UBND xã Mỹ Yên + 200m đến giáp đất xã Văn Yên	
1	Từ ngã tư Đồng Cháy đến hết xóm Đầm Pháng (hết đất xã Mỹ Yên, giáp xã Lục Ba)	300
2	Từ ngã ba đi vào Trường TH Bản Ngoại đến ngã tư cống đỏ	300
3	Từ ngã tư xóm Phó đến Cầu Treo La Dạ xã Bản Ngoại	400
4	Từ Cầu treo La Dạ đi Đầm Bàng đến hết đất xã Bản Ngoại (giáp đất Phú Lạc)	250
I	Xã Phú Xuyên	
1	Từ Quốc lộ 37 (xóm 4) đến giáp đất xã Phú Thịnh (qua xóm 13)	250
2	Từ Quốc lộ 37 (xóm 4) đến ngã ba xóm Tân Lập (qua xóm 5)	250
3	Từ Quốc lộ 37 (biển cấm rừng) đến nhà ông Hoàng xóm 11	250
4	Từ nhà ông Hoàng xóm 11 đến ngã ba Yên Từ (hết đất xã Phú Xuyên)	250
5	Từ Trạm biến áp xóm 11 đến giáp Nhà máy Chè xã La Bàng qua xóm Tân Lập	250
*	Trục đường Nam Sông Công	
1	Nhánh đường Nam Sông Công vào trong khu dân cư điều chỉnh đất chợ Nam Sông Công	2.000

2. Giá đất ở nông thôn ngoài các trục đường giao thông chưa được quy định trong Bảng giá trên thì áp dụng Bảng giá sau:

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

Tên đơn vị hành chính	Mức giá			
	Loại 1	Loại 2	Loại 3	Loại 4
Các xã: An Khánh, Bình Thuận, Cù Vân, Hà Thượng, Hoàng Nông, Ký Phú, Khôi Kỳ, La Bằng, Lục Ba, Tân Thái, Tiên Hội	210	190	170	150
Các xã: Bản Ngoại, Cát Nê, Minh Tiến, Mỹ Yên, Na Mao, Phú Cường, Phú Lạc, Phú Thịnh, Phú Xuyên, Phục Linh, Tân Linh, Vạn Thọ, Văn Yên, Yên Lãng	190	170	150	130
Các xã: Đức Lương, Phúc Lương, Quân Chu	170	150	130	110

Ghi chú: Phân loại đất ở nông thôn theo quy định tại Tiết 2.1 Điểm 2 Mục I Phần B hướng dẫn áp dụng Bảng giá đất.

Phụ lục số 07
BẢNG GIÁ ĐẤT Ở HUYỆN PHÚ LƯƠNG GIAI ĐOẠN NĂM 2015 - 2019
(Kèm theo Quyết định số 02 /2018/QĐ-UBND ngày 12 tháng 02 năm 2018
của UBND tỉnh Thái Nguyên)

1. Giá đất ở tại đô thị, giá đất ở tại nông thôn bám các trục đường giao thông:

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	MỨC GIÁ
A	TRỤC QUỐC LỘ	
I	QUỐC LỘ 3 CŨ (từ giáp đất thành phố Thái Nguyên đến hết đất xã Yên Ninh)	
1	Từ Km78 + 200 (giáp đất xã Sơn Cẩm, thành phố Thái Nguyên) đến Km79 + 400	2.300
2	Từ Km79 + 400 đến Km80	2.700
3	Từ Km80 đến Km81+ 600	2.000
4	Từ Km81 + 600 đến Km83 + 300 (Cầu Giang Tiên)	1.700
5	Từ Km83 + 300 (Cầu Giang Tiên) đến Km83 + 600	2.000
6	Từ Km83 + 600 đến Km85	2.500
7	Từ Km85 đến Km85 + 660 (hết đất Giang Tiên)	2.000
8	Từ Km85 + 660 đến Km86 + 500 (công nghĩa trang liệt sỹ xã Phán Mễ)	2.500
9	Từ Km86 + 500 đến Km87 + 600 (đường vào Nhà văn hóa xóm Phố Giá)	2.000
10	Từ Km87 + 600 (đường vào Nhà văn hóa xóm Phố Giá) đến Km88 + 700	2.000
11	Từ Km88 + 700 đến Km89 + 400	2.500
12	Từ Km89 + 400 đến Km90 (công bệnh viện Đa khoa huyện)	3.300
13	Từ Km90 (công bệnh viện Đa khoa huyện) đến Km91 + 200	5.000
14	Từ Km91 + 200 đến Km91 + 500	3.800
15	Từ Km91 + 500 đến Km92 + 450 (công Huyện đội)	3.200
16	Từ Km92 + 450 đến Km93 + 100 (hết đất thị trấn Đu)	2.500
17	Từ Km93 + 100 đến Km96	2.500
18	Từ Km96 đến Km96 + 800 (hết đất Động Đạt)	1.500
19	Từ Km96 + 800 (hết đất Động Đạt) đến Km97 + 500	1.000
20	Từ Km97 + 500 đến Km99 (khu chợ xã Yên Đổ)	1.800
21	Từ Km99 (khu chợ xã Yên Đổ) đến Km99 + 900	700
22	Từ Km99 + 900 đến Km100 + 100 (Ngã ba cây số 31)	1.200
23	Từ Km100 + 100 (ngã ba cây số 31) đến Km104 + 700 (Giáp đất Yên Ninh)	700
24	Từ Km104 + 700 (giáp đất Yên Ninh) đến Km108 + 300	385

25	Từ Km108 + 300 đến Km110 + 400 (Cầu Suối Bén)	440
26	Từ Km110 + 400 (Cầu Suối Bén) đến Km112	660
27	Từ Km112 đến Km112 + 750 (đỉnh dốc Suối Bốc)	440
28	Từ Km112 + 750 (đỉnh dốc Suối Bốc) đến Km113 + 200	660
29	Km113 + 200 đến Km113 + 800 (hết đất Yên Ninh)	1.000
*	TRỤC PHỤ QUỐC LỘ 3 (CŨ)	
30	Từ Quốc lộ 3 đi Trung tâm Giáo dục chữa bệnh xã hội	
30.1	Từ Quốc lộ 3 đến 200m	550
30.2	Sau 200m đến Trung tâm Giáo dục chữa bệnh xã hội	330
31	Trục đường từ Quốc lộ 3 đi làng Ngói (xã Cổ Lũng)	
31.1	Từ Quốc lộ 3 đến 150m	550
31.2	Sau 150m đến 500m	350
32	Trục đường từ Quốc lộ 3 đi làng Phan (xã Cổ Lũng)	
32.1	Từ Quốc lộ 3 đến 150m	550
32.2	Sau 150m đến 500m	350
33	Trục đường từ Quốc lộ 3 + 200m đi Đình Cháy (xã Cổ Lũng)	550
34	Từ Quốc lộ 3 đi xóm Tân Long, xóm Bờ Đậu (xã Cổ Lũng)	
34.1	Từ Quốc lộ 3 đến 150m	550
34.2	Sau 150m đến 500m	350
35	Từ Quốc lộ 3 đến cầu cũ Giang Tiên (địa phận xã Cổ Lũng)	1.100
36	Từ Quốc lộ 3 đến cầu cũ Giang Tiên (địa phận thị trấn Giang Tiên)	1.100
37	Từ Quốc lộ 3 đi cầu Đất Ma Giang Tiên	
37.1	Từ Quốc lộ 3 + 300m	700
37.2	Sau 300m đến đường rẽ Nhà văn hóa tiểu khu Giang Long	400
37.3	Từ đường rẽ Nhà văn hóa tiểu khu Giang Long đến cầu Đất Ma	300
38	Từ Quốc lộ 3 đi Bãi Bông	
38.1	Từ Quốc lộ 3 đến 100m	1.100
38.2	Sau 100m đến 300m đi Bãi Bông	400
39	Từ Quốc lộ 3 rẽ đi Văn phòng mỏ than Phấn Mễ (hết đất Giang Tiên)	1.200
40	Từ Quốc lộ 3 đến Bãi than 3, Mỏ than Phấn Mễ	800
41	Từ Quốc lộ 3 + 200m đi khu hầm lò Mỏ Phấn Mễ	300
42	Trục đường từ Quốc lộ 3 đi Tân Bình (Vô Tranh)	
42.1	Từ Quốc lộ 3 đến Nhà văn hóa xóm Mỹ Khánh	800
42.2	Từ Nhà văn hóa xóm Mỹ Khánh đến đầm Thiểu nhi	600
43	Từ Quốc lộ 3 đến cổng Trường Tiểu học Phấn Mễ 1	400
44	Từ Quốc lộ 3 đến cổng Trung tâm Dạy nghề huyện Phú Lương	2.000
45	Từ cổng Trung tâm Dạy nghề huyện Phú Lương + 500m đi Thọ Lâm	1.100
46	Từ Quốc lộ 3 đến cổng Phòng Giáo dục huyện Phú Lương	2.200
47	Từ Quốc lộ 3 đến hết đất khu dân cư Ngân hàng Thương nghiệp	2.200
48	Từ Quốc lộ 3 + 250m đi Thọ Lâm (ngã ba)	1.600
49	Từ Quốc lộ 3 đến giáp đường đi Yên Lạc	

Bảng giá đất giai đoạn 2015 - 2019 huyện Phú Lương

49.1	Từ Quốc lộ 3 đến công Trường Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện	1.700
49.2	Từ công Trường Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện đến giáp đường đi Yên Lạc	1.500
50	Từ Quốc lộ 3 đi Trường Tiểu học thị trấn Đu	
50.1	Từ Quốc lộ 3 đến công Trường Tiểu học thị trấn Đu	1.600
50.2	Từ công Trường Tiểu học thị trấn Đu đến hết đường bê tông	1.000
51	Từ Quốc lộ 3 vào công Huyện đội Phú Lương	1.200
52	Từ Quốc lộ 3 đi hết địa phận xóm Gốc Vải (hai hướng)	250
53	Đường từ Quốc lộ 3 đi kho K87B	
53.1	Từ Quốc lộ 3 đi hết địa phận xóm Phố Trào	600
53.2	Từ hết địa phận xóm phố Trào đến hết địa phận xóm Kém	300
53.3	Từ hết địa phận xóm Kém đến Cầu Khe Nác	250
53.4	Từ Cầu Khe Nác đến hết đất Yên Đổ	300
54	Từ Quốc lộ 3 + 300m đi xóm Bắc Bé (Yên Ninh)	330
55	Từ Quốc lộ 3 + 200m đi đền Thắm (Chợ Mới, Bắc Kạn)	550
II	QUỐC LỘ 3 MỚI (từ đầu nối Quốc lộ 3 cũ đến hết đất xã Yên Lạc)	
1	Từ Km75 + 200 (giáp đất xã Sơn Cẩm, thành phố Thái Nguyên) đến Km79 (hết đất Vô Tranh)	1.000
2	Từ Km79 đến Km80+600	1.500
3	Từ Km80 + 600 đến Km81+ 400	2.000
4	Từ Km81+ 400 đến Km87 (hết đất Tức Tranh)	1.200
5	Từ Km87 đến Km87 + 900 (hết đất Phú Đô)	700
6	Từ Km87 + 900 đến Km88 + 700	700
7	Từ Km88 + 700 đến Km93 + 320 (hết đất Yên Lạc)	500
III	QUỐC LỘ 37 (từ ngã ba bờ Đậu đến hết đất xã Cổ Lũng)	
1	Từ Ngã ba Bờ đậu đến 100m	2.000
2	Sau 100m đến 500m	1.700
3	Sau 500m đến cầu Lò Bát	1.000
4	Từ Cầu Lò Bát đến hết đất xã Cổ Lũng (giáp đất Đại Từ)	900
B	CÁC TRỤC ĐƯỜNG TỈNH LỘ	
I	TRỤC ĐƯỜNG 263 (Từ quốc lộ 3 đến hết đất xã Ôn Lương)	
1	Từ Km0 đến Cầu Tràn	1.700
2	Từ cầu Tràn đến Km1 + 300 (lối rẽ đi Cổ Cò)	1.200
3	Từ Km1 + 300 đến Km1 + 700 (hết đất thị trấn Đu)	1.000
4	Từ Km1 + 700 đến Km1 + 900 (hết đất Động Đạt)	1.000
5	Từ Km1 + 900 đến Km3	300
6	Từ Km3 đến Km4	370
7	Từ Km4 đến Km5 + 500	210
8	Từ Km5 + 500 đến Km6 + 800 (hết đất Phù Lý)	240
9	Từ Km6 + 800 đến Km7 + 300	240
10	Từ Km7 + 300 đến Km7 + 800 (cầu Bến Gió)	800

11	Từ Km7 + 800 đến ngã tư Ôn Lương	880
12	Từ ngã tư Ôn Lương + 100m đi Phú Lạc	880
13	Từ cách ngã tư Ôn Lương 100m đến ngã ba rẽ Nhà văn hóa xóm Xuân Trường, xã Ôn Lương	660
14	Từ ngã ba đường rẽ Nhà văn hóa xóm Xuân Trường, xã Ôn Lương đến hết đất Ôn Lương	550
II	TRỤC ĐƯỜNG 268 (từ quốc lộ 3 đến giáp đất huyện Định Hóa)	
1	Từ Km0 đến Km0 + 500	1.100
2	Từ Km0 + 500 đến Km2	300
3	Từ Km2 đến Km2 + 400	400
4	Từ Km2 + 400 đến giáp đất Định Hoá	300
C	CÁC TRỤC ĐƯỜNG LIÊN XÃ	
I	Từ Giang Tiên - Phú Đô - Núi Phấn gặp Quốc lộ 3	
1	Từ Quốc lộ 3 đến cầu Lồng Bồng (hết đất Giang Tiên)	1.200
2	Từ cầu Lồng Bồng đến Km0 + 650m	650
3	Từ Km0 + 650m đến Km2	450
4	Từ Km2 đến Km4 + 700m (giáp đất Tức Tranh)	300
5	Từ Km4 + 700 đến Km5 (Đàm Ao Xanh)	320
6	Từ Kmsố 5 đến Km5 + 200m (hết cánh đồng Ao Xanh)	370
7	Từ Km5 + 200 đến Km6 + 100m (Cầu Đồng Chùa, xã Tức Tranh)	650
8	Km6 + 100 đến Km7 + 300m (Xí nghiệp Chè)	750
9	Từ Km7 + 300 đến Km7 + 600 (Cầu Tràn)	400
10	Từ Km7 + 600 đến Km8 + 200m (hết đất Tức Tranh)	350
11	Từ Km8 + 200m đến Km9 + 300 (ngã ba đường rẽ xóm Khe Vàng 1)	200
12	Từ Km9 + 300 đến Km11 + 300 (ngã ba đường rẽ xóm Cúc Lùng)	280
13	Từ Km11 + 300 đến Km12 + 500 (ngã ba đường rẽ đi xã Văn Lăng)	220
14	Từ Km12 + 500 đến Km15 + 300 (Cầu tràn Phú Đô 2)	210
15	Từ Km15 + 300 đến Km16 + 600 (giáp xã Yên Lạc)	200
16	Từ Km16 + 600 (giáp đất Phú Đô) đến Km17 + 800	250
17	Từ Km17 + 800 đến Km18 + 300	300
18	Từ Km18 + 300 đến hết đất Yên Lạc	250
19	Từ giáp Yên Lạc đến gặp Quốc lộ 3	
19.1	Từ giáp đất Yên Lạc đến ngã ba rẽ vườn ươm (Dự án 661)	500
19.2	Từ ngã ba rẽ vườn ươm (Dự án 661) đến công Nhà máy Chè	600
19.3	Từ công nhà máy chè đến gặp Quốc lộ 3	800
II	Trục đường Phấn Mễ - Tức Tranh	
1	Từ Quốc lộ 3 + 100m đi dốc Ông Thọ	300
2	Sau 100m đến dốc Ông Thọ (đi Tức Tranh)	200
3	Từ đỉnh dốc Ông Thọ đến Nhà văn hóa xóm Bãi Bằng	230
4	Từ Nhà văn hóa xóm Bãi Bằng đến Cầu Trắng	300
5	Từ Cầu Trắng đến Nhà văn hóa xóm Đồng Hút	300
6	Từ Nhà văn hóa xóm Đồng Hút đến ngã ba gặp đường Giang Tiên - Phú Đô - Núi Phấn	450

III	Trục đường từ Quốc lộ 3 (Phấn Mễ) - Cầu Làng Giang - đến Cầu treo Làng Cọ	
1	Từ Quốc lộ 3 đến công Trường THCS Phấn Mễ 1	900
2	Từ công Trường THCS Phấn Mễ 1 đến qua ngã tư Làng Bò 100m đi Làng Giang	450
3	Từ cách ngã tư Làng Bò 100m đến cách cầu Làng Giang 200m	230
4	Từ cách cầu Làng Giang 200m đến khu quy hoạch dân cư cầu Làng Giang	250
5	Từ khu Quy hoạch dân cư cầu Làng Giang đến Cầu treo Làng Cọ (giáp thị trấn Đu)	230
IV	Trục đường từ Quốc lộ 3 (thị trấn Đu) đi Làng Cọ	
1	Từ đường Quốc lộ 3 đến hết đất Tái định cư	1.700
2	Từ hết đất Tái định cư đến Cầu treo Làng Cọ	1.350
V	Trục đường Đu - Yên Lạc	
1	Từ Bru điện Phú Lương + 250m (đến ngã ba)	2.000
2	Từ ngã ba đến hết đất thị trấn Đu (giáp xã Động Đạt)	1.350
3	Từ giáp đất thị trấn Đu đến Km1	1.000
4	Từ Km1 đến Km3	800
5	Từ Km3 đến hết đất Động Đạt	500
6	Từ giáp đất Động Đạt đến cách UBND xã Yên Lạc 200m	300
7	Trung tâm UBND xã Yên Lạc + 200m đi 2 phía	350
8	Cách UBND xã 200m đến gặp đường Giang Tiên - Phú Đô - Núi phần	300
VI	Trục đường liên xã Tức Tranh - Yên Lạc - Yên Đổ	
1	Từ công làng xóm Yên Thủy 4 đến hết đất xóm Yên Thủy 4	230
2	Từ hết đất xóm Yên Thủy 4 đến Cầu Ông Mạch	210
3	Từ Cầu Ông Mạch đến Nhà văn hoá xóm Yên Thủy 2 + 100m	230
4	Từ Nhà văn hoá xóm Yên Thủy 2 + 100m đến Cầu Yên Thủy 1	210
5	Từ Cầu Yên Thủy 1 đến Trung tâm UBND xã	300
6	Từ ngã 3 giáp đường Giang Tiên - Phú Đô - Núi Phần đến công làng Đồng Xiền	250
7	Từ công làng Đồng Xiền đến cách Nhà văn hoá xóm Đẩu 100m	210
8	Từ cách Nhà văn hoá xóm Đẩu 100m đến hết đất xóm Đẩu	230
9	Từ hết đất xóm Đẩu đến cầu Khe Lin	210
10	Từ cầu Khe Lin đến cách chợ xóm Ó 300m	250
11	Từ chợ xóm Ó + 300m đi 2 phía	300
12	Từ cách chợ xóm Ó 300m đến hết đất Yên Lạc	300
VII	Tuyến đường liên xã xóm Đồng Bông - Yên Lạc đi xóm Quyết Thắng - Tức Tranh	
1	Từ ngã 3 Viện Tân - Na Mụ - Đồng Bông đến Nhà văn hóa xóm Đồng Bông + 100m	230
2	Từ Nhà văn hóa xóm Đồng Bông + 100m đến hết đất Yên Lạc (giáp Đồng Tiến - Tức Tranh)	210

VIII	Trục đường Quốc lộ 3 - Yên Ninh - Yên Trạch - Phú Tiến	
1	Từ Quốc lộ 3 đến Cầu Tràn (đi Yên Trạch)	230
2	Từ cầu Tràn đến hết đất Yên Ninh	200
3	Từ cổng Trường THCS xã Yên Trạch + 100m đi Yên Ninh, từ cổng Trường THCS + 250m đi Phú Tiến	230
4	Từ cách cổng Trường THCS 250m đến qua đường rẽ cổng chợ Yên Trạch 100m hướng đi Phú Tiến	190
5	Từ ngã 3 rẽ Bàn Héo + 50m đi Yên Ninh, từ ngã 3 rẽ Bàn Héo + 100m đi Phú Tiến	190
6	Các đoạn còn lại của trục đường Yên Ninh - Yên Trạch - Phú Tiến (thuộc địa phận xã Yên Trạch)	180
IX	Trục đường Phủ Lý - ATK Hợp Thành	
1	Từ ngã ba chợ Hợp Thành đến ngã ba Phú Thành	440
2	Từ ngã 3 Phú Thành đến Bưu điện văn hóa xã	250
3	Từ Bưu điện Văn hóa xã đến cách ngã ba đình Làng Mới 100m	210
4	Từ ngã 3 đình Làng Mới + 100m về 3 phía	250
5	Từ ngã 3 đình Làng Mới + 100m đi xóm làng Mon (đến giáp đất Phủ Lý)	210
6	Từ Cầu Na Lậu đến cổng Na Nhạp	220
7	Từ cổng Na Nhạp đến hết đất Phủ Lý	210
X	Tuyến Đường Phủ Lý - Yên Trạch	
1	Từ nút giao đường Tỉnh lộ 263 đến cầu tràn Na Dau	220
2	Từ Cầu tràn Na Dau đến hết đất Phủ Lý (hết địa xã Phủ Lý)	210
3	Từ địa phận xóm Hạ xã Yên Đỗ đến cầu xóm Trung	210
4	Từ địa phận xóm Trung (cầu xóm Trung) đến hết địa phận xóm Trung	200
5	Từ hết địa phận xóm Trung đến đường 268	220
6	Từ đường 268 đi đến Cổng xóm Thượng	220
7	Từ cổng xóm Thượng đến hết địa phận xóm An Thắng	200
8	Từ hết địa phận xóm An Thắng đến hết địa phận xóm Ao Then	180
9	Từ hết địa phận xóm Ao Then đến QL3	300
D	CÁC ĐƯỜNG KHÁC	
I	THỊ TRẤN GIANG TIÊN	
1	Đất khu dân cư trong chợ Giang Tiên	1.700
2	Các trục đường liên phố, tiểu khu khác chưa kể tên	
2.1	Đường đầu nối với đường từ Quốc lộ 3 đi cầu Đát Ma Giang Tiên, đến hết khu di tích Bazuka	500
2.2	Từ Bãi than 3, Mỏ than Phần Mễ rẽ hai phía đến hết đất thị trấn Giang Tiên	300
2.3	Các đường bê tông có đầu nối với Quốc lộ 3 vào 150m	600
2.4	Các đoạn đường bê tông đầu nối với Quốc lộ 3 còn lại sau 150m	270
2.5	Đường bê tông (không đầu nối với Quốc lộ 3)	270
2.6	Đường đất	240

II	THỊ TRẤN ĐU	
1	Các trục đường thuộc thị trấn Đu chưa kể tên	
1.1	Đường bê tông (có đầu nối với Quốc lộ 3):	
-	Đường bê tông (Km88 + 50 rẽ trái đi xóm Hoa 1, xã Phần Mễ) đến hết đất thị trấn Đu	240
-	Đường bê tông (Km89 + 700) rẽ trái vào tiểu khu Cầu Trắng, đến hết đường bê tông	900
-	Đường bê tông (Km89 + 810) rẽ trái vào tiểu khu Cầu Trắng, vào 250m	900
-	Đường bê tông (Km90 + 50) (cạnh phía Nam Bệnh viện Đa khoa huyện) vào 150m	700
-	Đường bê tông (Km90 + 250) (cạnh Điện lực Phú Lương) vào 250m	900
-	Đường bê tông (Km90 + 500) rẽ trái vào tiểu khu Cầu Trắng và tiểu khu Thái An đến hết đường bê tông	900
-	Đường bê tông (Km90 + 550) vào đến Nhà văn hóa tiểu khu Thái An	900
-	Đường bê tông (Km91 + 50) vào đầu nối với đường Đu - Yên Lạc	1.500
-	Đường bê tông (Km91 + 580) (đường vào Nhà máy nước) đến hết đất thị trấn Đu	1.500
-	Đường bê tông (Km91 + 690) (đường vào Đền Liệt sỹ) vào đến hết đường bê tông	1.500
-	Đường bê tông (Km91 + 850) (giáp Hạt giao thông Quốc lộ 3) vào đến hết đường bê tông	900
-	Đường bê tông (Km91 + 950) rẽ phải vào tiểu khu Lê Hồng Phong vào đến hết đường bê tông	1.500
-	Đường bê tông (Km92 + 230) rẽ phải vào tiểu khu Lê Hồng Phong đến hết đường bê tông	900
-	Đường bê tông (Km92 + 780) vào tiểu khu Dương Tự Minh đến hết đường bê tông	900
1.2	Đường bê tông (có đầu nối với đường 263):	230
-	Đường bê tông (Km0 + 550 rẽ trái đi xóm Làng Chảo, xã Động Đạt) vào đến hết đường bê tông	230
-	Đường bê tông (Km0 + 650 rẽ trái từ tiểu khu Tân Lập đi tiểu khu Cây Châm) vào đến hết đường bê tông	230
-	Đường bê tông (Km0 + 950 rẽ trái đi xóm Đồng Nghè, xã Động Đạt) đến hết đất thị trấn Đu	230
1.3	Đường bê tông còn lại:	
-	Đường bê tông (trừ các đoạn thuộc các xóm chuyển từ xã Động Đạt và Phần Mễ sang thị trấn Đu do thay đổi địa giới hành chính)	750
-	Đường bê tông (đoạn thuộc các xóm chuyển từ xã Động Đạt và Phần Mễ sang thị trấn Đu do thay đổi địa giới hành chính)	220

1.4	Đường đất	
*	Đường đất (trừ các xóm chuyển từ xã Động Đạt và Phần Mễ sang thị trấn Đu do thay đổi địa giới hành chính):	
-	Đường rộng $\geq 3,5m$	600
-	Đường rộng $< 3,5m$	500
*	Đường đất (thuộc các xóm chuyển từ xã Động Đạt và Phần Mễ sang thị trấn Đu do thay đổi địa giới hành chính):	
-	Đường rộng $\geq 3,5m$	210
-	Đường rộng $< 3,5m$	200
III	XÃ YÊN ĐỒ	
1	Đường quy hoạch dân cư sau Chợ Trào, Yên Đồ	450
2	Đường nối đường Tỉnh lộ 263 với Tỉnh lộ 268	220
IV	XÃ ÔN LƯƠNG	
1	Nhánh rẽ từ trục đường Tỉnh lộ 263 đi xã Ôn Lương	
1.1	Từ đường 263 đến hết đất UBND xã Ôn Lương (ngã ba)	750
1.2	Từ giáp đất UBND xã + 100m đi 2 nhánh	650
2	Đường làng nghề xã Ôn Lương	
2.1	Từ ngã ba xóm Thâm Đông đi Nhà văn hóa xóm Đầm Rum	380
2.2	Đoạn đường còn lại thuộc đường làng nghề xã Ôn Lương	300
2.3	Đoạn từ Nhà văn hóa xóm Na Tùn đến Nhánh 3 đường làng nghề	220
3	Nhánh rẽ từ trục đường 263 + 200m đi trạm Y tế xã Ôn Lương	700
4	Đường du lịch làng nghề hồ Na Mạt	
4.1	Từ trục đường 263 + 150m đi xóm Na Pặng	500
4.2	Từ ngã ba xóm Thâm Đông + 100m đi hồ Na Mạt	400
4.3	Từ cách ngã ba xóm Thâm Đông 100m đến Hồ Na Mạt	350
5	Nhánh rẽ từ ngã ba Cầu Gãy xã Ôn Lương đi xóm Cây Thị	400
6	Đường bê tông nối Nhánh rẽ từ ngã ba Cầu Gãy, xã Ôn Lương đi xóm Cây Thị	220
7	Từ đầu nối đường 263 (Km8 + 780) (xóm Khau Lai) đến ngã ba sau Trạm y tế	250
8	Từ đường 263 (Km9 + 300) qua Nhà văn hóa xóm Xuân Trường nối đường 263 (Km9 + 900)	220
V	XÃ HỢP THÀNH	
1	Từ ngã ba làng Mon đến Nhà văn hóa Khuôn Lân + 400 (hết đường nhựa)	210
2	Tuyến bê tông liên xóm Kết Tiến Thành (đường nối đường Tỉnh lộ 263 với đường Phù Lý - ATK Hợp Thành)	200
3	Tuyến trục B, Phú Thành đến Làng Mới	220
4	Từ ngã 3 Đình Làng Mới + 100m đến giáp xóm Hàm Rồng, xã Phúc Lương, huyện Đại Từ	210
5	Đường bê tông liên xóm Tiến Bộ - Bo Chè (đường nối đường Phù Lý - ATK Hợp Thành đến công nhà ông Tổng, xóm Bo Chè)	180

6	Đường bê tông liên xóm Tiên Thành - Bo Chè - Tiến Bộ (từ Nhà văn hóa xóm Kết - Tiên Thành đến Bưu điện Văn hóa xã)	180
7	Đường bê tông Đồng Đạo xóm Khuân Lân	180
8	Đường bê tông trung tâm xóm Làng Mới	180
9	Đường bê tông xóm Mãn Quang (đường nối đường trục B Phú Thành đi Làng Mới đến giáp xóm Phúc Sơn, xã Phúc Lương, huyện Đại Từ)	190
10	Đường bê tông xóm Quyết Tiến (từ cổng Trường tiểu học Hợp Thành đến đường trục B Phú Thành đi Làng Mới)	180
11	Đường bê tông xóm Phú Thành (đường nối đường Tỉnh lộ 263 với đường Phù Lý - ATK Hợp Thành)	200
VI	XÃ VÔ TRANH	
1	Từ ngã ba Bình Long + 100m đi UBND xã Vô tranh	450
2	Trục đường từ ngã ba chợ Vô Tranh cũ đi xóm Toàn Thắng	
2.1	Từ ngã ba chợ Vô Tranh cũ + 300m	350
2.2	Từ cách ngã ba chợ cũ 300m đến cầu Xoan Đào đi xóm Toàn Thắng	250
2.3	Từ cầu Xoan Đào đến ngã ba đường rẽ đi xóm Thống Nhất	300
3	Trục đường từ ngã ba chợ Vô Tranh cũ đến đường Giang Tiên - Phú Đô - Núi Phán	
3.1	Từ ngã ba chợ Vô Tranh cũ + 300m	350
3.2	Từ cách ngã ba chợ Vô Tranh cũ + 300m đến cách đường Giang Tiên - Phú Đô - Núi Phán 100m	250
4	Từ ngã ba chợ Vô Tranh cũ đi Trại giam Phú Sơn 4	
4.1	Từ ngã ba chợ cũ + 400m	400
4.2	Từ cách ngã ba chợ cũ 400m đến Cổng phân trại K4 - Phú Sơn 4	250
5	Từ cách ngã ba chợ cũ 400m đến cầu Húng (giáp xã Sơn Cẩm)	250
6	Từ ngã ba Trường học xóm Thống Nhất 4 đến phân trại K3 - Phú Sơn 4	250
7	Từ ngã tư xóm Tân Bình 3 + 150m đi 3 phía (trừ phía đi xóm Tân Bình 4)	300
8	Đường từ ngã ba đi xóm Toàn thắng giáp Trạm biến áp xóm Toàn Thắng đi xã Tức Tranh	200
VII	XÃ TỨC TRANH	
1	Đường bê tông từ đường Giang Tiên - Phú Đô - Núi Phán đi xóm Đồng Tiến (từ ngã ba chợ Tức Tranh đi xóm Đồng Tiến)	
1.1	Từ đường Giang Tiên - Phú Đô - Núi Phán + 200m đi xóm Đồng Tiến	450
1.2	Từ sau 200m đến hết đường bê tông	250

2	Đường bê tông từ đường Giang Tiên - Phú Đô - Núi Phấn đi xóm Đồng Lòng (từ Nhà máy Chè đi xóm Đồng Lòng)	
2.1	Từ đường Giang Tiên - Phú Đô - Núi Phấn + 300m đi xóm Đồng Lòng	350
2.2	Từ sau 300m đến hết đường bê tông	250
3	Đường bê tông từ đường Phấn Mễ - Tức Tranh đi xóm Minh Hợp	
3.1	Từ đường Phấn Mễ - Tức Tranh + 300m đi xóm Minh Hợp	250
3.2	Từ sau 300m đến hết đường bê tông	210
4	Đường bê tông từ đường Giang Tiên - Phú Đô - Núi Phấn đi xóm Thâm Găng	
4.1	Từ đường Giang Tiên - Phú Đô - Núi Phấn + 300m đi xóm Thâm Găng	250
4.2	Từ sau 300 đến hết đường bê tông	210
5	Đường Bê tông từ đường Dốc Vỡng - Vô Tranh - Tức Tranh đi xóm Ngoài Tranh - Đồng Lòng	
5.1	Từ giáp Vô Tranh đến hết đường Bê Tông xóm Ngoài Tranh	300
5.2	Từ đường bê tông xóm Ngoài Tranh đến Cầu Trần xóm Đồng Lòng	300
6	Đường bê tông từ đường Giang Tiên - Phú Đô - Núi Phấn đi xóm Khe Xiêm	
6.1	Từ đường bê tông từ đường Giang Tiên - Phú Đô - Núi Phấn + 300 m đi xóm Khe Xiêm	400
6.2	Sau 300m hết đường bê tông	250
7	Đường bê tông từ đường Phấn Mễ - Tức Tranh đi xóm Tân Thái	
7.1	Từ đường Phấn Mễ - Tức Tranh +300m đi xóm Tân Thái	300
7.2	Từ sau 300m đến hết đường bê tông	250
8	Đường Tức Tranh - Yên Thủy - Yên Đổ	
8.1	Từ đường Phấn Mễ - Tức Tranh đến cổng làng Yên Thủy	300
9	Đường bê tông từ Tức Tranh -Yên Thủy-Yên Đổ đi xóm Bãi Bằng	
9.1	Đường Bê tông từ Tức Tranh - Yên Lạc - Yên Đổ đi xóm Bãi Bằng	250
10	Đường bê tông từ đường Phấn Mễ - Tức Tranh đi xóm Đập Trần	
10.1	Từ đường Phấn Mễ - Tức Tranh +300m đi xóm Đập Trần	300
10.2	Từ sau 300m đến hết đường bê tông	250
11	Đường bê tông từ đường Phấn Mễ - Tức Tranh đi xóm Quyết Thắng	
11.1	Từ đường Phấn Mễ - Tức Tranh + 300m đi xóm Quyết Thắng	300
11.2	Từ sau 300m đến hết đường bê tông	250
VIII	XÃ PHÚ ĐÔ	
1	Đường bê tông (đầu nối với đường Giang Tiên - Phú Đô - Núi Phấn đoạn Km10 + 400) vào đến hết Trường THCS Phú Đô (đi xóm Ao Cống)	220
2	Đường bê tông giáp cổng UBND xã Phú Đô đến cổng Làng nghề chè Phú Nam 1	220

2. Giá đất ở tại nông thôn ngoài các trục đường giao thông chưa được quy định trong Bảng giá trên, thì áp dụng Bảng giá sau:

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

Tên đơn vị hành chính	Mức giá			
	Loại 1	Loại 2	Loại 3	Loại 4
Các xã: Cổ Lũng, Vô Tranh, Phấn Mễ	220	200	180	160
Các xã: Động Đạt, Ôn Lương, Túc Tranh, Yên Đỗ	200	180	160	140
Các xã: Yên Ninh, Yên Trạch, Hợp Thành, Phú Đô, Phú Lý, Yên Lạc	175	155	135	115

Ghi chú: Phân loại đất ở nông thôn theo quy định tại Tiết 2.1 Điểm 2 Mục I Phần B hướng dẫn áp dụng Bảng giá đất.

